

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NGÀNH : LUẬT

Sinh viên: Bùi Thị Hiền

HẢI PHÒNG – 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ THỰC TIỄN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ THÁI BÌNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH : LUẬT**

**Sinh viên : Bùi Thị Hiền
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Vũ Thị Thanh Lan**

HẢI PHÒNG- 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Bùi Thị Hiền Mã SV: 1712402018

Lớp : PL2101

Ngành : Luật

Tên đề tài : Pháp luật về công ty cổ phần và thực tiễn tại Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Giải quyết các vấn đề pháp luật về công ty cổ phần
- Nội dung pháp lý cơ bản về công ty cổ phần theo pháp luật
- Những vấn đề mới nhất về công ty cổ phần theo hiện nay
- Thực tiễn và giải pháp, đánh giá đưa ra trong vấn đề pháp luật về công ty cổ phần.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Dựa theo Bộ luật doanh nghiệp
- Luật Doanh nghiệp 2020

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Tại Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Vũ Thị Thanh Lan

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Pháp luật về công ty cổ phần và thực tiễn tại công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2022

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA KHOA

LỜI CẢM ƠN

Em xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến lãnh đạo và quý thầy/cô giảng viên Đại học Quản Lý Và Công Nghệ Hải Phòng đã trang bị kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả trong suốt quá trình học tập và thực hiện đồ án này.

Đặc biệt, em xin trân trọng cảm ơn sâu sắc nhất đến Giáo viên hướng dẫn Th.sVũ Thị Thanh Lan đã trực tiếp hướng dẫn, tận tình chỉ bảo, giúp đỡ và động viên em trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành đồ án.

Em xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đã động viên, giúp đỡ nhiệt tình, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng chắc chắn trong đồ án không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo và góp ý của quý thầy cô, các bạn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng 3 năm 2022

Tác giả

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN.....	3
1.1. Khái quát về công ty cổ phần.	3
1.1.1. Lịch sử hình thành công ty cổ phần.....	3
1.1.2. Khái niệm về công ty cổ phần.	4
1.1.2. Đặc điểm pháp lý của công ty cổ phần.....	7
1.1.4. Mô hình tổ chức quản lý công ty cổ phần	10
1.2. Pháp luật Việt Nam về công ty cổ phần	12
1.2.1. Sự hình thành và phát triển của công ty cổ phần tại Việt Nam.....	12
1.2.2. Đặc điểm pháp lý của công ty cổ phần theo LDN 2020	14
Chương 2: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH.....	30
2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	30
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	30
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	32
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về công ty cổ phần tại Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	33
2.1.1. Thực hiện các quy định chung của pháp luật về vốn, quản lý vốn của doanh nghiệp	33
2.2.2. Tổ chức quản lý công ty	35
2.2.3. Phân chia lợi nhuận và rủi ro.....	44
2.2.4. Một số thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện pháp luật về công ty cổ phần tại doanh nghiệp.....	48
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TỪ THỰC TIỄN CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH.....	52
3.1. Một số tồn tại và giải pháp đối với công ty Công ty cổ phần phân xăng dầu dầu khí Thái Bình	52
3.1.1. Một số tồn tại.....	52
3.1.2. Một số giải pháp thực tế	55

3.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về công ty cổ phần	62
3.2.1. Xây dựng pháp luật	62
3.2.2. Tổ chức thực hiện pháp luật	63
KẾT LUẬN	67
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BGD	Ban Giám đốc
BKS	Ban kiểm soát
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GD	Giám đốc
HĐQT	Hội đồng quản trị
LDN	Luật Doanh nghiệp
QTCT	Quản trị công ty
TGD	Tổng Giám đốc
CP	Cổ phần

DANH MỤC BẢNG, HÌNH

Hình 1. 1. Mô hình (phải) có Ban kiểm soát	11
Hình 1. 2. Mô hình không có (không bắt buộc) Ban kiểm soát	12
Bảng 2. 1. Danh sách cơ cấu cổ đông.....	34
Bảng 2. 2. Danh sách thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị công ty	38
Bảng 2. 3. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021	39
Bảng 2. 4. Danh sách thành viên và cơ cấu Ban Giám đốc.....	41
Bảng 2. 5. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:.....	43
Bảng 2. 6. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021	44
Bảng 2. 7. Tình hình tài chính năm 2021	46
Bảng 2. 8. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2021	47
Hình 2. 1. Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	35

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong điều kiện kinh tế thị trường hội nhập và phát triển, các loại hình doanh nghiệp, công ty ngày càng đa dạng. Trong thời gian qua, các doanh nghiệp Việt Nam đã có sự tăng trưởng mạnh về số lượng, có rất nhiều các loại hình công ty ra đời, tuy nhiên năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp vẫn còn yếu. Trong đó nội dung pháp luật liên quan đến công ty cổ phần có nhiều vấn đề, khía cạnh cần bàn bạc. Quản trị công ty nói chung và việc quản trị công ty cổ phần nói riêng có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo nên sự hài hòa các mối quan hệ trong Hội đồng quản trị, Hội đồng cổ đông, Ban giám đốc và các bên có quyền lợi liên quan đến công ty. Nó còn tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động và tăng cường khả năng tiếp cận của doanh nghiệp với các nguồn vốn bên ngoài, góp phần tích cực vào việc tăng cường giá trị doanh nghiệp, tăng cường đầu tư và phát triển bền vững cho doanh nghiệp và nền kinh tế.

Công ty cổ phần là một mô hình kinh doanh điển hình nhất về loại công ty đối vốn, ở đó các cổ đông góp vốn bằng cách mua cổ phần để trở thành đồng chủ sở hữu của công ty. Là loại hình đặc trưng của công ty đối vốn, cấu trúc vốn của công ty cổ phần cũng rất linh hoạt, có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư. Công ty cổ phần là hình thức tổ chức kinh doanh có khả năng huy động một số lượng vốn lớn ngầm chảy trong các tầng lớp dân cư, khả năng tích tụ và tập trung vốn với quy mô khổng lồ, có thể coi là lớn nhất trong các loại hình doanh nghiệp hiện nay. Có thể nói, cùng với quá trình đổi mới kinh tế đất nước là sự không ngừng ra đời và phát triển các loại hình doanh nghiệp, nhất là công ty cổ phần.

Với việc ban hành Luật Doanh nghiệp 2014, hệ thống cơ cấu tổ chức, quản lý của ty cổ phần đã hình thành cơ bản các yếu tố đôn bẫy khuyến khích những người trong nội bộ doanh nghiệp; hạn chế những hành vi lợi dụng quyền hạn và chức vụ để thu lợi cho cá nhân tổn hại tới lợi ích chung; tạo điều kiện để những người trong nội bộ bao gồm cả chủ sở hữu thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình góp phần tiết kiệm chi phí, thực hiện được chỉ tiêu lợi nhuận và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Cho đến nay khung pháp Luật liên quan đến công ty cổ phần đã từng bước được đẩy mạnh bổ sung và hoàn thiện. Để công ty cổ phần giữ vững vai trò là trung tâm trong tiến trình phát triển kinh tế thị trường, để đảm bảo tư cách, quyền lợi cổ đông - một thành tố

đóng vai trò nòng cốt trong CTCP là một trong những giải pháp góp phần thực hiện chủ trương xây dựng nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật tại công ty cổ phần, với tất cả các lý do trên, tác giả sẽ phân tích việc thi hành các quy định pháp luật trên thực tế tại Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật qua đề tài nghiên cứu cho đề án tốt nghiệp “*Pháp luật về công ty cổ phần và thực tiễn tại Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình*”.

2. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về pháp luật tại công ty cổ phần

Chương 2: Thực trạng về pháp luật tại Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình

Chương 3: Một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về pháp luật tại Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN

1.1. Khái quát về công ty cổ phần.

1.1.1. Lịch sử hình thành công ty cổ phần.

Như bất kỳ một hiện tượng kinh tế nào khác, công ty ra đời, tồn tại và phát triển trong những điều kiện kinh tế xã hội nhất định. Các công ty với tư cách pháp nhân độc lập cùng với các thành viên có chế độ trách nhiệm hữu hạn xuất hiện với số lượng lớn từ năm 1870. Nhưng những mầm mống của một công ty hiện đại có thể nhận thấy trong việc thừa nhận trách nhiệm hữu hạn ở Luật La mã, các công ty thương mại và ngân hàng ở thế kỷ XIV, các công ty ở Anh thế kỷ XVII.

Một trong những CTCP đầu tiên được biết đến là ở Anh năm 1600 tên là East India Company (Công ty Đông Ấn) công ty này là sự phối kết hợp giữa chính quyền và các thương gia để chinh phục những vùng đất mới được khám phá, phục vụ cho chủ nghĩa thực dân ở Châu Âu. Mặc dù xuất hiện sớm như vậy nhưng cho đến tận đầu thế kỷ XIX loại hình CTCP vẫn còn rất hiếm. Chính quá trình tập trung tư bản, đặc biệt là sự bùng nổ của cách mạng công nghiệp vào khoảng giữa thế kỷ XIX làm cho loại hình CTCP phát triển mạnh.

Sự ra đời của công ty nói chung, CTCP nói riêng đã làm phát sinh nhu cầu cần phải có pháp luật điều chỉnh đối với nó. Luật công ty nhìn chung gắn liền với sự phát triển của các quan hệ thương mại, các quy định về hợp đồng và vay nợ. Năm 1807, Pháp thiết lập nền tảng cho công ty là hội hợp tư cổ phần được điều chỉnh bằng Bộ luật Thương mại, thể hiện quan điểm tự do hoạt động kinh doanh. Mặc dù vậy, việc thành lập công ty vẫn cần giấy phép của Nhà nước. Năm 1863, Pháp ban hành luật công ty trách nhiệm hữu hạn. Lúc này việc công ty ra đời ở Pháp cũng như tại các nước khác không cần đến giấy phép của Nhà nước, mà thay vào đó Nhà nước chỉ đưa ra những quy định bắt buộc, các công ty có nghĩa vụ đăng ký theo quy định của pháp luật. Đức là một trong những nước mà ở đó xuất hiện công ty sớm, do vậy pháp luật về công ty khá hoàn thiện. Luật CTCP đầu tiên của Đức được ban hành năm 1870. Tại Anh, cuối thế kỷ XVI, thương mại phát triển mạnh mẽ, các doanh nhân kinh doanh theo kiểu làm ăn riêng hoặc góp vốn cùng hoạt động. Đến năm 1844, Quốc hội Anh cho ra đời luật về CTCP, sang năm 1855 thì có luật về tính trách nhiệm hữu hạn, cuối cùng hai luật này sáp nhập làm một vào năm 1862. Luật công ty của Mỹ chịu ảnh hưởng phần lớn luật của Anh do nguồn gốc hình thành nước Mỹ, vì vậy nó khá giống với luật công ty của Anh.

Hiện nay trên thế giới tồn tại hai hệ thống pháp luật về công ty. Đó là: Hệ thống pháp luật công ty Châu Âu lục địa và hệ thống pháp luật công ty Anh - Mỹ. So sánh giữa hai hệ thống pháp luật công ty này thì công ty của các nước Pháp và Đức bị luật quy định chặt chẽ hơn và không được mềm dẻo, uyển chuyển như công ty theo luật của Anh - Mỹ.

1.1.2. Khái niệm về công ty cổ phần.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường vô cùng phong phú đa dạng. Vì vậy có rất nhiều loại hình liên kết thành lập công ty. Người ta có thể phân loại công ty theo nhiều tiêu chí khác nhau nhưng nói chung xét theo tiêu chí về tính chất của sự liên kết, công ty thường được chia thành hai nhóm cơ bản là các công ty đối nhân và các công ty đối vốn. Khái niệm đối nhân hay đối vốn là tiền đề để xác định tính chất của các quan hệ giữa các thành viên trong công ty về tổ chức quản lý công ty. Công ty đối nhân là những công ty mà mối quan hệ giữa thành viên trong công ty với nhau cũng như nguyên tắc tổ chức, quản lý công ty được thiết lập hoàn toàn dựa trên cơ sở độ tin cậy về nhân thân của các cá nhân tham gia, sự hùn vốn là yếu tố thứ yếu. Công ty đối nhân có đặc trưng là không có sự tách bạch tài sản thành viên công ty và tài sản công ty. Ngược lại, ở công ty đối vốn nguyên tắc chủ đạo để xây dựng quan hệ giữa các thành viên công ty và cơ sở để xác định quyền, nghĩa vụ của mỗi thành viên là tỷ lệ vốn góp vào công ty. Với các công ty đối vốn, yếu tố vốn luôn được đặt lên hàng đầu, lấy nó làm nền tảng để hình thành nên nguyên tắc tổ chức quản lý công ty. Đặc điểm quan trọng của loại hình công ty này là công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty bằng tài sản của công ty. Các thành viên công ty chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phần vốn góp của mình đã tham gia vào công ty.

Thông thường, theo hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa có hai loại công ty đối vốn là CTCP và công ty trách nhiệm hữu hạn, hai loại hình công ty này tồn tại phổ biến ở Châu Âu lục địa và có quy chế pháp lý khác nhau tạo điều kiện dễ dàng hơn cho công chúng phân biệt giữa từng loại, tránh được nhầm lẫn nhưng ngược lại cũng có nhược điểm là không thuận lợi khi cần chuyển đổi hình thức hoạt động. Trong khi đó hệ thống luật Anh - Mỹ, luật công ty chia công ty đối vốn thành công ty mở (Public Corporation) phát hành cổ phiếu rộng rãi trong công chúng và công ty đóng (Close Corporation) không phát hành cổ phiếu ra công chúng, cổ phần được chuyển nhượng hoặc huy động

trong nội bộ thành viên. Công ty mở gần giống với CTCP, còn công ty đóng có đặc điểm gần giống với công ty trách nhiệm hữu hạn trong hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa.

CTCP là một trong bốn loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay cho nên để tìm hiểu khái niệm CTCP trước tiên cần tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của một doanh nghiệp nói chung.

Theo khoản 1 Điều 4 LDN 2020, Doanh nghiệp được định nghĩa là “tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh”. Như vậy, một doanh nghiệp nói chung có những đặc điểm pháp lý cơ bản sau đây:

Thứ nhất, là tổ chức kinh tế, có tư cách chủ thể pháp lý độc lập;

Thứ hai, được xác lập tư cách (thành lập và đăng ký kinh doanh) theo thủ tục do pháp luật quy định;

Thứ ba, có nghề nghiệp kinh doanh.

Do CTCP là một trong bốn loại hình doanh nghiệp theo LDN 2020 nên ngoài mang các đặc điểm nói chung của một doanh nghiệp thì trên cơ sở các dấu hiệu đặc trưng về số lượng thành viên, cơ cấu góp vốn, trách nhiệm pháp lý của cổ đông, tư cách pháp nhân của công ty, việc chuyển nhượng vốn và phát hành chứng khoán, CTCP theo điều 77 LDN 2020 còn được định nghĩa như sau:

“CTCP là doanh nghiệp, trong đó:

- Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;
- Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa;
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;
- Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác và hạn chế quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông trong thời hạn 3 năm kể từ ngày CTCP được cấp giấy chứng nhận ĐKKD đối với các cổ đông sáng lập theo quy định tại khoản 3 Điều 81 và khoản 5 Điều 84 của LDN 2020;
- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn”.

Quản lý công ty cổ phần là vấn đề xác định quyền hạn và trách nhiệm giữa các nhóm lợi ích, các thành viên khác nhau trong công ty cổ phần. Các nhóm lợi ích này là các cổ đông, hội đồng quản trị, ban điều hành, ban kiểm soát và những người liên quan khác của công ty cổ phần như người lao động, nhà cung cấp. Việc quản lý công ty cổ phần là tổ chức hình thành nên các nguyên tắc và quy trình, thủ tục ra quyết định trong công ty, qua đó ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực và chức vụ, giảm thiểu những rủi ro liên quan đến hoặc nguồn gốc từ những giao dịch với các bên có liên quan, những xung đột lợi ích tiềm năng và từ việc không có tiêu chuẩn rõ ràng hoặc không tuân thủ các quy định về công bố thông tin và không minh bạch. Việc quản lý công ty cổ phần còn là mối quan hệ giữa ban giám đốc công ty, hội đồng quản trị, các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, từ đó tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Công ty cổ phần có sự tách biệt giữa quyền quản lý và quyền sở hữu, điều hành công ty bởi các cổ đông không tham gia trực tiếp điều hành các hoạt động thường nhật của công ty. Việc quản lý công ty cổ phần khác và phức tạp hơn so với việc quản lý các công ty khác. Do đó quản lý công ty cổ phần luôn luôn được sự quan tâm không chỉ của các thương nhân, người đầu tư, các nhà kinh tế mà còn cả các luật gia. Quản lý công ty cổ phần được hiểu theo nhiều nghĩa rộng hẹp khác nhau. Theo nghĩa rộng nhất nó bao gồm tất cả các mối quan hệ liên quan tới sự ra quyết định của công ty như mối quan hệ giữa cổ đông, các chủ nợ, người lao động, người cung cấp nguyên, nhiên vật liệu, khách hàng, nhà nước với công ty. Quản lý công ty cổ phần là một trong những nội dung quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật về doanh nghiệp của Việt Nam cũng như các nước có nền kinh tế phát triển.

Thành viên CTCP chính là các cổ đông, người góp vốn đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của công ty. Tất nhiên mỗi cổ đông luôn mong muốn có được lợi nhuận khi bỏ vốn đầu tư. Một hệ thống quản lý tốt sẽ tạo ra sự tin tưởng, làm cho cổ đông gắn bó với công ty. Quản lý và tổ chức trong CTCP không chỉ là sự đảm bảo về mặt kinh tế cho các thành viên của công ty mà còn là yếu tố đảm bảo tiếng nói của các cổ đông trong công ty, đặc biệt là với các cổ đông thiểu số. Một hệ thống quản lý và tổ chức tốt luôn đáp ứng được quyền lợi của mỗi cổ đông trong việc đưa ra những quyết định về hoạt động kinh doanh, nói cách khác đó chính là tạo điều kiện cho cổ đông thực sự được sử dụng vốn góp của mình thông qua điều hành công ty.

Hoạt động của mọi doanh nghiệp nói chung và với CTCP nói riêng đều vì mục tiêu lợi nhuận. Mọi thành viên của công ty luôn muốn phát triển ưu thế, đem lại lợi ích cho họ. Vai trò của quản lý vì thế lại được thể hiện. Quản lý tốt không chỉ là giúp cho công ty hoạt động ổn định với nguồn vốn bỏ ra mà càng làm cho nguồn vốn đó tăng lên, đó mới thực sự là quản lý có hiệu quả.

Khi lựa chọn đối tác, bộ máy quản lý cũng là một yếu tố cần xem xét. Vì vậy, hoàn thiện quản lý cũng là tăng sức hấp dẫn của doanh nghiệp. Có nhiều đối tác cũng có nghĩa là cơ hội phát triển dành cho công ty lớn hơn. Còn với người tiêu dùng, vai trò quản lý công ty mờ nhạt hơn. Trong thương mại hàng hóa, quản lý và tổ chức công ty chủ yếu thể hiện vai trò với khách hàng thông qua phân phối sản phẩm: người tiêu dùng luôn lựa chọn sản phẩm từ điểm mua bán uy tín, muốn vậy cần phải có bộ máy quản lý tốt. Trong thương mại dịch vụ thì quản lý nội bộ của một công ty có ý nghĩa lớn hơn với khách hàng bởi tiêu dùng dịch vụ là một quá trình, muốn chọn được dịch vụ tốt, người tiêu dùng cũng cần xem xét nhà cung cấp có hoạt động ổn định hay không.

Doanh nghiệp nói chung và CTCP nói riêng là một bộ phận của nền kinh tế. Chính vì vậy sự tăng trưởng của chúng góp phần ổn định và phát triển cho cả nền kinh tế. Số lượng CTCP là ít hơn so với các loại hình doanh nghiệp khác nhưng đóng góp của chúng không nhỏ, bởi CTCP thường là các doanh nghiệp có quy mô lớn, nguồn vốn dồi dào. Một hệ thống quản lý yếu kém sẽ đưa công ty đến suy yếu, hơn thế nữa còn ảnh hưởng đến các doanh nghiệp khác và người tiêu dùng, kết quả tất yếu là sẽ gây thiệt hại cho nền kinh tế. Nội dung của công tác quản lý và tổ chức CTCP bao gồm: Cơ cấu bộ máy quản lý nội bộ CTCP. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong bộ máy quản lý nội bộ CTCP. Nguyên tắc hoạt động và thủ tục thông qua các quyết định.

1.1.3. Đặc điểm pháp lý của công ty cổ phần.

Công ty cổ phần là một loại hình doanh nghiệp có vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; cổ đông của công ty có thể là tổ chức, cá nhân với số lượng tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa. Theo đó, công ty cổ phần có một số đặc điểm pháp lý sau:

Đặc điểm về vốn góp và cách góp vốn: Vốn điều lệ của công ty cổ phần được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Cổ phần là đơn vị vốn nhỏ nhất trong công ty. Cổ phần có thể được tự do chuyển nhượng. Vì vậy, có thể tham gia công ty cổ phần bằng cách mua cổ phần dưới hình thức cổ phiếu được chào bán trên thị trường.

Vốn điều lệ của công ty cổ phần là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành. Số cổ phần đã phát hành là số cổ phần mà các cổ đông đã thanh toán đủ cho công ty. Tại thời điểm đăng ký kinh doanh thành lập doanh nghiệp, vốn điều lệ của công ty cổ phần là tổng giá trị mệnh giá các cổ phần do các cổ đông sáng lập và các cổ đông phổ thông khác đã đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty; số cổ phần này phải được thanh toán đủ trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Số cổ phần được quyền phát hành của công ty cổ phần là số cổ phần mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ phát hành để huy động thêm vốn. Số cổ phần được quyền phát hành của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký kinh doanh là tổng số cổ phần do cổ đông sáng lập và các cổ đông phổ thông khác đã đăng ký mua tại thời điểm đăng ký kinh doanh và số cổ phần sẽ phát hành thêm trong thời hạn 03 năm, kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được ghi tại Điều lệ công ty. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp áp dụng đối với cổ đông sáng lập (khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020) và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần (khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp 2020). Cổ phần là đơn vị vốn nhỏ nhất trong công ty và cơ bản được tự do chuyển nhượng. Theo đó, tổ chức, cá nhân có thể tham gia góp vốn vào công ty cổ phần bằng cách mua cổ phần dưới hình thức cổ phiếu được chào bán trên thị trường. Theo LDN 2014, cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong khi đó, LDN 2020 thì cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

Đặc điểm về thành viên: Thành viên của công ty cổ phần là các chủ sở hữu cổ phần, được gọi là cổ đông, là đồng chủ sở hữu của công ty. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp; Cổ đông của công ty cổ phần bao gồm 2 loại chính: cổ đông sáng lập và cổ đông khác với những quy định về điều kiện tham gia khác nhau. Cổ đông sáng lập phải thỏa mãn những điều kiện quy định tại điều 13

Luật DN. Số lượng cổ đông được quy định tối thiểu là ba và không hạn chế tối đa. Các cổ đông góp vốn khi gia nhập CTCP, ngoài việc mua cổ phần còn phải tán thành Điều lệ của công ty. Cũng có thể trở thành cổ đông thông qua việc được thừa kế cổ phần của công ty. Mỗi cổ đông có thể sở hữu nhiều cổ phần, mức độ sở hữu cổ phần tạo thành sự cách biệt về mức vốn, về quyền và nghĩa vụ giữa các cổ đông trong công ty. Cổ đông có càng nhiều cổ phần thì càng có nhiều quyền và nghĩa vụ. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình trừ một số trường hợp pháp luật quy định hạn chế chuyển nhượng. Luật DN không có quy định hạn chế cổ phần đối với mỗi cổ đông. Tuy vậy, pháp luật hoặc Điều lệ công ty có thể quy định về giới hạn tối đa cho phép một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có thể sở hữu để không xảy ra tình trạng một cá nhân hoặc một nhóm cổ đông có thể khống chế được công ty do có lượng cổ phần lớn. Chẳng hạn, hiện nay, theo cam kết của Việt Nam khi tham gia WTO, tổng số cổ phần do các cá nhân và pháp nhân nước ngoài nắm giữ tại mỗi ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam không vượt quá 30% vốn Điều lệ của ngân hàng. Theo khoản 4, điều 86 Luật DN, nếu một cổ đông có tổng số cổ phần đạt đến 5% tổng số cổ phần trở lên của công ty thì phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Công ty cổ phần có quyền phát hành các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán để huy động vốn từ công chúng. Khả năng này tạo thành ưu thế đặc biệt của CTCP so với các loại công ty khác. Khi có đủ điều kiện theo quy định của Luật Chứng khoán, công ty cổ phần có thể phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ hoặc trái phiếu để vay vốn.

Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ khi được cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong giới hạn phần vốn góp đã góp vào công ty. Là một pháp nhân, công ty cổ phần có tài sản riêng, được ghi rõ trong Điều lệ, là khối tài sản độc lập tách khỏi tài sản riêng của các cổ đông. Trong quá trình hoạt động, công ty dùng tài sản riêng này để tham gia vào các giao dịch và chịu trách nhiệm về các giao dịch đó. Tài sản riêng của công ty đồng thời là giới hạn trách nhiệm của công ty. Cổ đông cũng chịu trách nhiệm về hoạt động của công ty giới hạn trong phạm vi phần vốn của họ đã góp vào công ty.

Công ty cổ phần gắn bó rất mật thiết với thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần là tổ chức phát hành chủ yếu trên thị trường này với tư cách là những công ty đại chúng.

Theo quy định tại Điều 25 Luật Chứng khoán, công ty đại chúng là công ty cổ phần thuộc một trong ba loại hình sau đây:

- Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Công ty có cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán (Công ty niêm yết).
- Công ty có cổ phiếu được ít nhất 100 nhà đầu tư sở hữu, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và có vốn điều lệ đã góp từ 10 tỷ đồng Việt Nam trở lên.

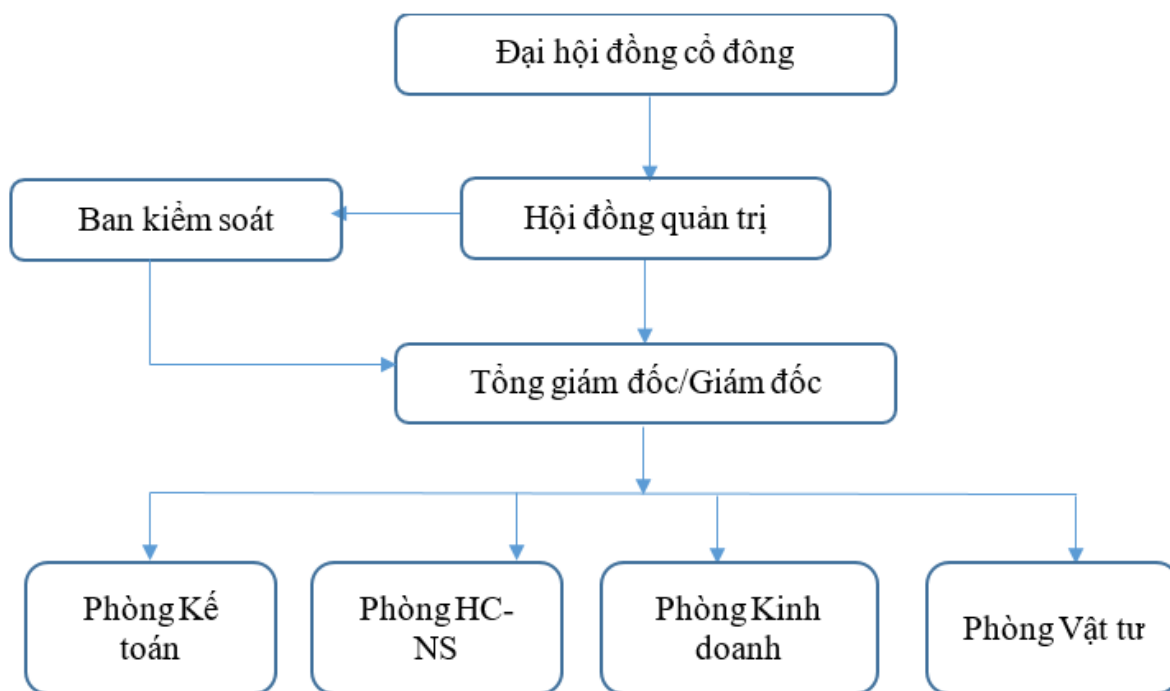
Những công ty đại chúng là những công ty có cơ chế tổ chức và quản lý chịu sự điều chỉnh song song của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Công ty cổ phần là công ty đối vốn. Trên phương diện pháp lý, Luật Doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 quy định công ty cổ phần có các đặc điểm như sự tách bạch tài sản của công ty và tài sản của các thành viên trong công ty. Điều đó cũng có nghĩa là có sự phân biệt giữa thành viên công ty và công ty. Do việc thành lập chỉ quan tâm đến phần vốn góp, do đó, thành viên công ty thường rất đông, những người không hiểu biết về kinh doanh cũng có thể tham gia vào công ty. Công ty phải đóng thuế cho nhà nước, các thành viên phải đóng thuế thu nhập. Có rất nhiều quy định pháp lý về tổ chức, hoạt động đối với công ty đối vốn, thành viên công ty dễ dàng thay đổi.

1.1.4. Mô hình tổ chức quản lý công ty cổ phần

Theo Luật doanh nghiệp 2020, cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần được thiết kế tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:

Mô hình có Ban kiểm soát: Đối với mô hình 1, việc tổ chức quản lý công ty có sự phân công, phân nhiệm và chế ngự lẫn nhau giữa các cơ quan quản lý, điều hành và kiểm soát. Về mặt lý thuyết, đây là mô hình truyền thống và điển hình của các công ty cổ phần. Đây là bộ máy tổ chức quản lý phù hợp và hiệu quả trong trường hợp công ty cổ phần mang tính “đại chúng”, tức là có sự tham gia đông đảo của các cổ đông khác nhau. Trong những trường hợp khác, bộ máy này sẽ trở nên cồng kềnh, khiên cưỡng. Có lẽ xuất phát từ cách nhìn nhận đó mà Luật Doanh nghiệp 2020 quy định đối với những công ty cổ phần có trên 11 cổ đông là cá nhân phải có Ban kiểm soát. Tuy nhiên, cũng theo Luật Doanh nghiệp 2020 thì cả trong trường hợp công ty cổ phần có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty thì cũng bắt buộc phải có Ban kiểm soát. Đây là một điểm mới và khác biệt của Luật Doanh nghiệp 2020 so với Luật Doanh nghiệp 2014.



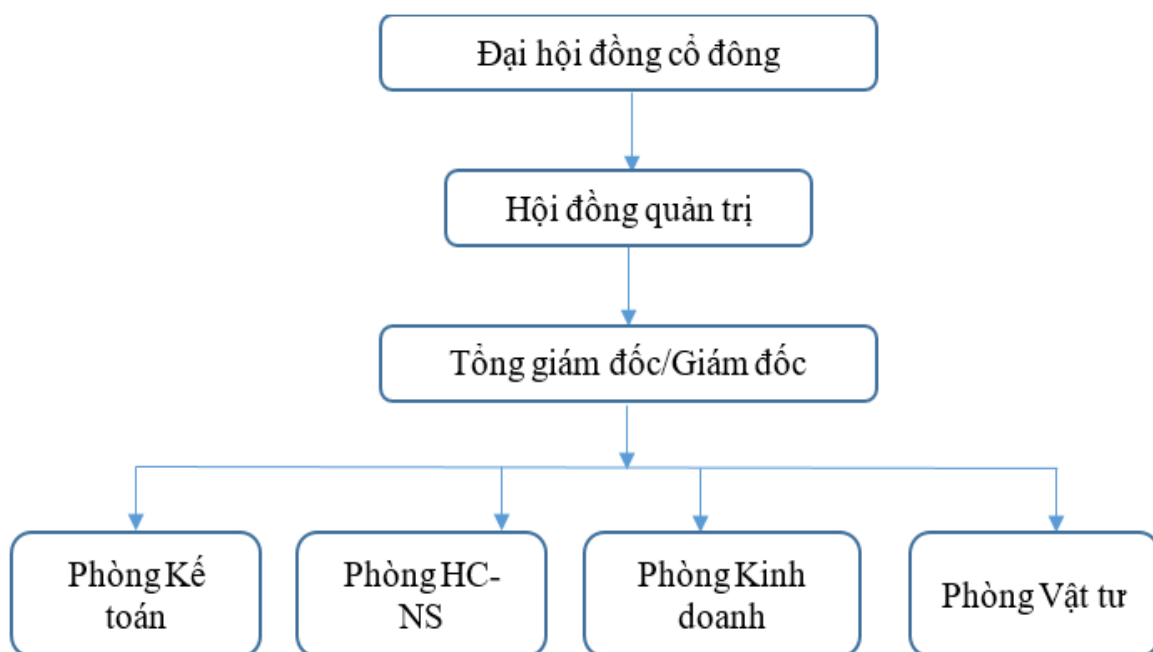
Hình 1. 1. Mô hình (phải) có Ban kiểm soát

Theo Luật Doanh nghiệp 1999 (Điều 69), việc xác định công ty cổ phần có bắt buộc phải có Ban kiểm soát hay không là căn cứ vào yếu tố “số lượng” cổ đông, theo đó đối với công ty cổ phần có trên 11 cổ đông thì phải có Ban kiểm soát. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, việc xác định tính bắt buộc phải có Ban kiểm soát trong công ty cổ phần phụ thuộc vào một trong hai yếu tố sau:

- Yếu tố số lượng, theo đó công ty cổ phần có trên 11 cổ đông là cá nhân phải có Ban kiểm soát. Ở đây, cũng có điểm khác với luật Doanh nghiệp 1999, yếu tố số lượng chỉ tính đối với cổ đông là cá nhân mà thôi.

- Yếu tố sở hữu cổ phần công ty, theo đó công ty cổ phần có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty phải có Ban kiểm soát. Như vậy, yếu tố sở hữu cổ phần công ty trong việc bắt buộc phải có Ban kiểm soát chỉ đặt ra đối với cổ đông là tổ chức.

Chỉ cần công ty cổ phần có một trong hai yếu tố đó thì đã rơi vào trường hợp bắt buộc phải có Ban kiểm soát mà không cần phải có cả hai yếu tố cùng một lúc.



Hình 1. 2. Mô hình không có (không bắt buộc) Ban kiểm soát

Mô hình không có Ban kiểm soát: Ở mô hình 2 thì không còn sự xuất hiện của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có ít nhất ba người nhưng không được quá 12 người. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

1.2. Pháp luật Việt Nam về công ty cổ phần

1.2.1. Sự hình thành và phát triển của công ty cổ phần tại Việt Nam

Nếu như CTCP ra đời và phát triển ở các nước tư bản khá sớm thì ở Việt Nam lại xuất hiện tương đối muộn. Thời Pháp thuộc, do Việt Nam là thuộc địa của Pháp nên có thời kỳ Luật Thương mại của Pháp được áp dụng trên từng vùng lãnh thổ khác nhau của Việt Nam. Thời kỳ này có nhiều loại công ty được tổ chức dưới hình thức các hội buôn, đó là hình thức công ty đơn giản. Luật lệ về công ty được quy định lần đầu tiên tại Việt Nam trong “Dân luật được thi hành tại các Tòa án Bắc kỳ năm 1913”, trong đó có nói về hội buôn. Đạo luật này chia các công ty (hội buôn) ra làm hai loại: Hội người và Hội vốn. Trong hội người chia thành Hội hợp danh (công ty hợp danh), Hội hợp tư (công ty hợp vốn đơn giản) và Hội đồng lợi. Trong Hội hợp vốn chia thành Hội vô danh (công ty cổ phần) và Hội hợp cổ (công ty hợp vốn cổ phần đơn giản). Trong luật này

không có công ty trách nhiệm hữu hạn. Cũng trong thời kỳ này, khoảng năm 1944, chính quyền Bảo Đại xây dựng Bộ luật thương mại Trung phần.

Sau 1954, đất nước chia làm hai miền. Ở miền Bắc bắt đầu xây dựng nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung với hai thành phần kinh tế chủ yếu là quốc doanh và tập thể. Thời kỳ này có khái niệm về công ty nhưng công ty không được hiểu theo đúng bản chất pháp lý của nó. Hay có thể nói trong cơ chế quản lý kinh tế tập trung không tồn tại các công ty cũng như luật về công ty.

Từ năm 1986, Đảng và nhà nước ta đề ra đường lối phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Với việc thừa nhận đa hình thức sở hữu, ghi nhận quyền tự do kinh doanh của công dân trong Hiến pháp 1992 đã mở đường cho sự ra đời các loại hình doanh nghiệp. Năm 1990 Quốc hội ban hành Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân. Đây là cơ sở pháp lý cho việc thành lập công ty nói chung và CTCP nói riêng. Cả hai đạo luật trên đã được bổ sung, sửa đổi một lần vào năm 1994 nhưng vẫn chưa khắc phục được những thiếu sót, bất cập. Để đáp ứng sự phát triển nhanh chóng của hoạt động kinh doanh, ngày 12/6/1999 Quốc hội ban hành LDN, thay thế cho các quy định pháp luật về công ty trước đó, tạo khung pháp lý vững chắc hơn cho hoạt động kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Tuy vậy, trước yêu cầu nội tại để đẩy nhanh phát triển kinh tế, yêu cầu toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hệ thống pháp luật về doanh nghiệp nói trên đã bộc lộ những khiếm khuyết không còn phù hợp, do đó Quốc hội đã thông qua LDN 2005 vào ngày 29/11/2005, thực tế đánh giá thi hành LDN 2005 cho thấy nhiều tác động tích cực của Luật trong tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; thúc đẩy huy động vốn, phát triển và mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp, góp phần gia tăng tốc độ tăng trưởng và giải quyết các vấn đề xã hội.

Bên cạnh đó, thực tế cũng cho thấy việc triển khai thực hiện LDN 2005 trong hơn 8 năm cũng đã gặp phải không ít vướng mắc, hạn chế đối với hoàn thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh nói chung và phát triển doanh nghiệp nói riêng cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật. Chính vì vậy, ngày 26/11/2014 Quốc hội đã thông qua LDN 2014 đây là khung pháp lý quan trọng trong việc tổ chức hoạt động của các loại hình doanh nghiệp nói chung và của CTCP nói riêng đáp ứng tình hình phát triển mới.

1.2.2. Đặc điểm pháp lý của công ty cổ phần theo LDN 2020

1.2.2.1 Vốn điều lệ

Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần theo khoản 1 Điều 112 Luật doanh nghiệp 2020 là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán. Vốn điều lệ của công ty cổ phần khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty.

Luật Doanh nghiệp 2020 cũng đã quy định cụ thể các loại tài sản được sử dụng để góp vốn vào công ty, doanh nghiệp. Theo đó, tài sản góp vốn có thể là đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng đồng Việt Nam. Công ty cổ phần là loại hình đặc trưng của công ty đối vốn, vốn điều lệ của công ty cổ phần được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Giá trị mỗi cổ phần gọi là mệnh giá cổ phần và được phản ánh trong cổ phiếu. Một cổ phiếu có thể phản ánh mệnh giá của một hoặc nhiều cổ phần. Việc góp vốn vào công ty được thực hiện bằng cách mua cổ phần, mỗi cổ đông có thể mua nhiều cổ phần.

Vốn điều lệ đóng vai trò rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Thứ nhất, là cơ sở để xác định tỷ lệ phần vốn góp hay sở hữu cổ phần của thành viên, cổ đông trong công ty. Thông qua đó làm cơ sở cho việc phân chia quyền, lợi ích và nghĩa vụ giữa các thành viên, cổ đông trong công ty; Cụ thể theo Luật Doanh nghiệp 2020, chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ của công ty. Thành viên, cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, trừ một số trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp. Thứ hai, là một trong những cơ sở để xác định điều kiện kinh doanh đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; Cuối cùng, vốn điều lệ thể hiện cam kết trách nhiệm bằng tài sản của doanh nghiệp với khách hàng, đối tác. Do đó, vốn điều lệ càng cao, thì độ tin cậy của khách hàng, đối tác với doanh nghiệp càng lớn.

1.2.2.2. Thành viên

Hầu hết pháp luật các nước đều quy định số lượng thành viên tối thiểu mà không giới hạn số lượng tối đa đối với CTCP. Ở nước ta, Luật công ty năm 1990, quy định số lượng thành viên tối thiểu trong suốt quá trình hoạt động của CTCP là 7. Theo Luật

doanh nghiệp 1999, Luật doanh nghiệp năm 2005 và LDN 2014 thì số lượng là 3. Luật Doanh nghiệp 2020 quy định, công ty cổ phần phải có ít nhất 03 cổ đông và phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Nếu ban đầu có 3 thành viên, sau đó 1 thành viên không góp đủ số vốn đã cam kết thì không được coi là thành viên công ty theo khoản 1, điểm a khoản 3 điều 112, cụ thể: Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát, đôn đốc thanh toán đủ và đúng hạn các cổ phần các cổ đông đã đăng ký mua. Nếu sau thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này có cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua, thì thực hiện theo quy định sau đây: Cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác; Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác; Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị được quyền bán; Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ và thay đổi cổ đông sáng lập trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần phải là cá nhân, từ đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực, hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý và thành lập doanh nghiệp. Công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Doanh nghiệp phải đảm bảo luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Nếu công ty cổ phần có 1 người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc/Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp Điều lệ chưa có quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng Giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Với cơ chế quản lý hết sức mềm dẻo và năng động như trên, công ty cổ phần là sự biểu hiện của sự dân chủ trong hoạt động quản lý kinh tế. Quyền lực ở đây không

nằm trong tay một cá nhân mà thuộc về Đại hội đồng cổ đông, thuộc về tập thể các thành viên trong Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị thực hiện quyền lực của công ty theo những quy chế nhất định. Số lượng cổ đông của Công ty cổ phần thường rất lớn nên điều hành công ty cổ phần phức tạp hơn nhiều so với các loại hình công ty khác như: Công ty TNHH, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân. Tính đa sở hữu cùng với một số lượng lớn các cổ đông là một trong những tiền đề của sự tách bạch giữa sở hữu và quản trị điều hành công ty. CTCP là sự biểu hiện rõ nét nhất của mô hình quản 3 cấp: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty. Mỗi cấp quản lý có nhiệm vụ và chức năng riêng biệt hoàn thiện bộ máy quản trị công ty

1.2.2.3. Góp vốn

Công ty nói chung và công ty cổ phần nói riêng được hình thành trên cơ sở góp vốn (hay góp tài sản). Công ty cổ phần có cách thức tạo lập vốn rất đặc biệt như đã trình bày ở trên, đó là phát hành cổ phiếu. Khi thành lập công ty, các sáng lập viên kêu gọi mọi người mua cổ phiếu. Dựa trên cơ sở mệnh giá cổ phần, pháp luật xác định vốn điều lệ của công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Giá trị mỗi cổ phần gọi là mệnh giá cổ phiếu, người mua cổ phiếu gọi là cổ đông lợi nhuận có được hàng năm từ cổ phần được gọi là cổ tức. Việc góp vốn vào công ty cổ phần được thực hiện bằng hình thức mua cổ phiếu. Đặc điểm này cũng thể hiện đặc trưng cơ bản của CTCP là loại hình công ty đối vốn, nghĩa là khi thành lập và trong suốt quá trình hoạt động, các thành viên công ty hoàn toàn không quan tâm đến nhân thân người góp vốn mà chỉ quan tâm đến phần vốn góp của họ. Bởi vì đối với loại hình công ty này tư cách thành viên công ty và các quyền của cổ đông trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty được quyết định trước hết bởi số lượng các cổ phiếu của công ty mà người đó nắm giữ. Trong quá trình hoạt động của mình, công ty cổ phần được quyền phát hành chứng khoán ra công chúng để huy động vốn theo quy định của pháp luật về phát hành chứng khoán. Công ty cổ phần là một hình thức tổ chức đặc biệt, năng động, có thể sử dụng để huy động vốn thông qua các giao dịch trên thị trường Chứng khoán.

Bản chất của góp vốn xét dưới góc độ kinh tế là góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, phần vốn góp của các cổ đông trở thành tài sản của công ty. Nhờ đó mà công ty mới tiến hành được các hoạt động kinh doanh cũng như bảo đảm quyền lợi cho

các đối tác của công ty. Về phương diện pháp lý, góp vốn là nghĩa vụ pháp lý quan trọng nhất của các thành viên, khi các thành viên cam kết góp vốn là họ đã tự ràng buộc mình trở thành con nợ của công ty do chính họ tạo lập nên, và công ty là pháp nhân đã trở thành chủ nợ của chính người chủ của mình. Nếu một thành viên đã đăng ký góp vốn mà không góp hoặc góp không đủ, không đúng hạn thì công ty sẽ đòi. Việc góp chậm, thành viên phải trả lãi mà không cần phải có điều kiện là đã bị thúc nợ, và có thể phải bồi thường thiệt hại mà không cần phải chứng minh sự gian tình (Điều 113 Luật Doanh nghiệp năm 2020). Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, và nếu Điều lệ công ty có quy định hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần có quy định khác thì cũng chỉ được quy định ngắn hơn 90 ngày. Từ phương diện pháp lý, hành vi góp vốn là hành vi chuyển quyền sở hữu tài sản cho công ty để đổi lấy quyền lợi công ty. Về phương diện lý luận sở hữu, thì công ty là chủ sở hữu tài sản, còn các cổ đông là chủ sở hữu công ty. Các cổ đông cùng nhau khai thác công ty (đưa công ty vào hoạt động) để kiếm lời chia nhau. Hành vi góp vốn để đổi lấy quyền lợi từ công ty, khác với các hành vi mua bán tài sản, cho thuê tài sản. Nếu như hành vi bán tài sản, hay cho thuê tài sản thì người bán hay người cho thuê tài sản sẽ nhận được ngay số tiền bán hoặc tiền cho thuê tài sản khi chuyển giao tài sản đó. Còn hành vi góp vốn khi chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho công ty, thì người góp vốn sẽ nhận được “quyền lợi” từ công ty. Quyền lợi đó vừa có tính hữu hình vừa có tính vô hình và có thể chuyển đổi thành tiền, thông qua hoạt động của công ty bằng hình thức trả cổ tức, cùng với các quyền lợi khác như, quyền được tham gia quản lý công ty, quyền được biết thông tin về hoạt động của công ty... Tài sản góp vốn có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam. Quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng để góp vốn bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp đối với các quyền nói trên mới có quyền sử dụng tài sản đó để góp vốn.

1.2.2.4. Chế độ trách nhiệm của doanh nghiệp

Trong kinh doanh, công ty cổ phần phải chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, đặc biệt là các khoản nợ với bên cho vay. Hiện nay tồn tại hai chế độ là trách nhiệm hữu

hạn và trách nhiệm vô hạn. Trách nhiệm tài sản hữu hạn là trách nhiệm trả nợ, nghĩa vụ và các chi phí phát sinh khác của chủ doanh nghiệp trong phạm vi vốn góp của mình. Doanh nghiệp chỉ chịu trách nhiệm cho đến khi hết toàn bộ tài sản của mình. Nghĩa là tài sản của chủ sở hữu và doanh nghiệp tách bạch với nhau. Doanh nghiệp thua lỗ hoặc phá sản thì không cần phải mang tài sản ra thực hiện nghĩa vụ nữa. Hạn chế của chế độ trách nhiệm tài sản hữu hạn là khả năng vay vốn thấp hơn so với chế độ tài sản vô hạn. Trách nhiệm tài sản vô hạn là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các khoản nợ, nghĩa vụ và chi phí phát sinh khác, khi doanh nghiệp không đủ khả năng chi trả thì chủ sở hữu phải dùng tài sản của mình để thực hiện cho doanh nghiệp. Như vậy, không có sự tách bạch giữa tài sản của chủ sở hữu và tài sản doanh nghiệp. Điều này có thể dẫn tới rủi ro doanh nghiệp phá sản hay làm ăn thua lỗ; chủ doanh nghiệp phải sử dụng tài sản cá nhân để thanh toán nợ.

Đối với doanh nghiệp có tư cách pháp nhân như công ty cổ phần, một trong những đặc tính quan trọng nhất là sự tách biệt về trách nhiệm bằng tài sản của công ty với trách nhiệm bằng tài sản của cổ đông, vì cổ đông có trách nhiệm hữu hạn đối với nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp. Với các doanh nghiệp hoạt động theo loại hình công ty cổ phần thì doanh nghiệp sẽ có tư cách pháp nhân và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của doanh nghiệp đối với nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp. Tài sản của công ty được hình thành từ hai nguồn chủ yếu là vốn vay và vốn do thành viên và cổ đông đóng góp vào công ty. Về cơ bản, ngoài tài sản đóng góp hoặc cam kết đóng góp vào công ty, cổ đông trong công ty cổ phần không chịu trách nhiệm cá nhân bằng tài sản riêng của mình đối với nghĩa vụ tài chính của công ty. Có thể thấy, nghĩa vụ tài chính của công ty có tư cách pháp nhân và nghĩa vụ tài chính của cổ đông trong doanh nghiệp đó có sự tách biệt.

1.2.2.5. Tăng giảm vốn điều lệ

Tăng giảm vốn điều lệ công ty cổ phần là việc thay đổi số vốn điều lệ đã đăng ký trước đó của công ty. Việc tăng, giảm vốn nhằm mục đích phát triển kinh doanh hoặc mục đích khác theo mong muốn và nhu cầu của mỗi doanh nghiệp. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Doanh nghiệp 2020, công ty cổ phần có thể đăng ký thay đổi vốn điều lệ.

Tăng vốn điều lệ của công ty cổ phần là việc huy động, bổ sung thêm nguồn vốn bằng cách chào bán cổ phần của công ty. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động

của doanh nghiệp để tăng vốn điều lệ công ty. Việc chào bán cổ phần có thể thực hiện bằng các hình thức như sau:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu
- Chào bán cổ phần ra công chúng
- Chào bán cổ phần riêng lẻ

Công ty cổ phần có thể giảm vốn điều lệ trong từng trường hợp cụ thể. Trường hợp thứ nhất, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông. Công ty cũng có thể mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp 2020. Trường hợp cuối cùng là vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 113 của Luật Doanh nghiệp 2020.

Thực hiện mua lại những cổ phần đã phát hành theo quyết định của công ty. Công ty cổ phần có quyền mua lại không vượt quá 30% trên tổng số các cổ phần dạng phổ thông đã được bán ra. Công ty có quyền được mua lại một phần hoặc tất cả số cổ phần ưu đãi cổ tức đã được bán ra trong những trường hợp sau: Khi Hội đồng quản trị đưa ra quyết định giá để mua lại các cổ phần. Khi Hội đồng quản trị đưa ra quyết định mua lại với tỉ lệ không quá 10% trên tổng số các cổ phần của mỗi loại đã được mở bán trong vòng 12 tháng. Đối với các trường hợp khác thì việc mua lại những cổ phần sẽ do quyết định từ Đại hội đồng các cổ đông.

Với những cổ phần loại khác thì khi mua lại giá trị sẽ không được thấp hơn so với giá thị trường. Công ty có thể được mua lại số cổ phần của mỗi cổ đông tương đương với tỉ lệ của phần mỗi người trong công ty. Với cổ phần thuộc loại phổ thông thì khi mua lại giá sẽ không được phép cao hơn giá của thị trường ở thời điểm mua. Mua lại những cổ phần đã phát hành theo sự yêu cầu của các cổ đông. Khi vốn điều lệ không được đóng góp đầy đủ.

Theo đó công ty cổ phần có quyền mua lại cổ phần từ những cổ đông chưa góp vốn trong vòng 90 ngày tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

1.2.2.6. Chuyển nhượng vốn

Trong công ty cổ phần, phần vốn góp của các cổ đông được thể hiện dưới hình thức cổ phiếu. Các cổ đông muốn chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của mình trong công ty cổ phần cho các cổ đông khác đều được thực hiện nếu đáp ứng theo yêu cầu của Điều lệ công ty. Trừ trường hợp cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được quyền chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác và hạn chế quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông trong 3 năm kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các cổ đông sáng lập. So với các loại hình công ty khác thì công ty cổ phần có nhiều ưu thế hơn, những ưu thế này xuất phát từ chính đặc điểm của công ty cổ phần. Công ty cổ phần thường có quy mô lớn, số lượng thành viên đông nên việc quản lý, điều hành sẽ gặp nhiều phức tạp hơn. Kết quả hoạt động của công ty ảnh hưởng nhiều đến sự ổn định xã hội vì công ty được công khai phát hành cổ phiếu để huy động vốn từ xã hội và số đông người góp vốn có thể là người lao động trong công ty. Chính vì vậy, quản trị công ty cổ phần có ý nghĩa đặc biệt quan trọng mà chính những người lãnh đạo công ty cần phải nghiêm túc thực hiện để đảm bảo sự ổn định phát triển cho công ty.

Như vậy, so sánh với các loại hình công ty khác thì CTCP có nhiều ưu điểm hơn, khắc phục được những hạn chế của loại hình công ty đối nhân và CTY TNHH, phù hợp với nền kinh tế thị trường. Với loại hình CTCP, công ty có thể huy động được nguồn vốn lớn thỏa mãn nhu cầu kinh doanh miễn là sản xuất kinh doanh của công ty có hiệu quả, mức cổ tức đủ sức hấp dẫn những người có vốn, đồng thời chia sẻ rủi ro cho các thành viên. Tuy vậy, do CTCP thường có quy mô kinh doanh lớn, số lượng thành viên đông nên việc quản lý, điều hành sẽ gặp nhiều phức tạp. Kết quả hoạt động của công ty ảnh hưởng nhiều đến sự ổn định xã hội vì công ty được công khai phát hành cổ phiếu huy động vốn trong xã hội và số đông các thành viên góp vốn có thể là người lao động.

1.2.2.7. Huy động vốn

So sánh với các loại hình doanh nghiệp khác, thì có thể nói công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp có khả năng huy động vốn công ty cao và linh hoạt nhất. Bởi, công ty cổ phần không bị không giới hạn số lượng cổ đông góp vốn và được phát hành cổ phần các loại, phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác để huy động vốn. Hơn nữa thủ tục chuyển nhượng cổ phần trong công ty cổ phần cũng rất dễ dàng, các cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình theo quy định

của Luật này. Trong quá trình hoạt động của mình, CTCP được quyền phát hành chứng khoán ra công chúng để huy động vốn theo quy định của pháp luật về phát hành chứng khoán. Luật Công ty năm 1990, LDN năm 2020 đều quy định rõ: đối với CTTNHH khi muốn tăng vốn điều lệ của mình thì chỉ được thực hiện bằng cách hoặc tăng thêm phần vốn góp của các thành viên, hoặc kết nạp thêm thành viên mới. Trong khi đó khả năng huy động vốn để tăng thêm vốn điều lệ của CTCP là rất lớn, bất cứ lúc nào khi hội đủ các điều kiện theo luật định thì CTCP cũng có quyền phát hành cổ phiếu mới để kêu gọi vốn đầu tư từ các cổ đông mới. Với tính chất này, CTCP là một hình thức tổ chức đặc biệt, năng động có thể sử dụng để huy động vốn thông qua các giao dịch trên thị trường chứng khoán. Các hình thức huy động vốn của công ty cổ phần là: chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; chào bán cổ phần riêng lẻ; chào bán cổ phần ra công chúng (theo Khoản 2 Điều 123 Luật Doanh nghiệp 2020).

Công ty cổ phần là công ty duy nhất có khả năng huy động vốn bằng cách phát hành cổ phần và cổ phần phổ thông được chuyển nhượng một cách tự do trên thị trường (ngoài một số trường hợp luật hạn chế việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông). Bất cứ tổ chức cá nhân nào mua cổ phần của công ty đều trở thành cổ đông của công ty. Những yếu tố này một mặt là thuận lợi cho việc huy động vốn cho công ty nhưng mặt khác chính là hạn chế trong việc cơ cấu quản lý công ty. Vì các thành viên có thể tự do chuyển nhượng cổ phần của mình nên các cổ đông rất dễ gia nhập hoặc rút khỏi công ty. Trong khi đó, bộ máy quản lý công ty phải hết sức ổn định thì mới quản lý và điều hành được tốt công việc sản xuất kinh doanh của công ty.

1.2.2.8. Phân chia lợi nhuận và rủi ro

Theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020, trong văn bản điều lệ công ty thỏa thuận giữa các thành viên về việc thành lập công ty và nguyên tắc trong quá trình hoạt động của công ty phải có nội dung về nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh. Do đó, ngay từ thời điểm thành lập công ty, nguyên tắc phân chia lợi nhuận đã được ghi nhận trong Điều lệ, các thành viên sẽ được chia lợi nhuận theo nguyên tắc trong Điều lệ. Quy định tại Khoản 5 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020 “Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính”. Theo đó lợi nhuận để chia trong công ty cổ phần chính là việc phân chia cổ tức.

Việc trả cổ tức giữa các cổ đông không giống nhau, cụ thể là giữa cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi cổ tức sẽ được trả các mức cổ tức khác nhau.

Đối với cổ đông phổ thông, cổ tức được trả theo quyết định của Đại hội đồng thành viên. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Đối với cổ đông ưu đãi cổ tức là cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả mức cổ tức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng, cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi cụ thể trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tuy nhiên, cổ đông ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

1.2.2.9. Tổ chức quản lý CTCP

** Đại hội đồng cổ đông*

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của CTCP. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền tham gia vào ĐHĐCĐ để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.

Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (được gọi là cổ đông phổ thông) và cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ đông không có quyền biểu quyết là cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định.

LDN 2020 quy định quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ gồm:

- Quyết định số phận của công ty: Bao gồm (i) Quyết định thông qua định hướng phát triển của công ty; (ii) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ; (iii) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.

- Quyết định tài chính của công ty: Bao gồm (i) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của

từng loại cổ phần, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác; (ii) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ không quy định một tỷ lệ khác; (iii) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; (iv) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

- Quyết định người lãnh đạo công ty: (i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS, xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho công chúng và cổ đông công ty; (ii) Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho công ty và cổ đông của công ty.

ĐHĐCĐ phải tổ chức họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập bởi HĐQT trong các trường hợp quy định sau: (i) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; (ii) Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; (iii) Theo yêu cầu của một cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty, và (iv) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều kiện tỷ lệ triệu tập cuộc họp: ĐHĐCĐ được tiến hành khi có (i) số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với triệu tập lần đầu; (ii) số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với triệu tập lần 2; hoặc (iii) các cổ đông có mặt tại cuộc họp (không phụ thuộc số cổ đông dự họp) đối với triệu tập lần 3 (Điều 102).

Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây: (a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với các quyết định - về: (i) loại cổ phần và tổng số cổ phần; (ii) sửa đổi, bổ sung điều lệ CTCP, hoặc (iv) đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản (trừ khi điều lệ CTCP có quy định một tỷ lệ khác); (b) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp nhận đối với các quyết định ngoài quyết định nêu tại điểm (a) nêu trên.

Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

** Hội đồng quản trị*

HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT có không ít hơn 3 thành viên, không quá 11 thành viên, được ĐHĐCĐ bổ nhiệm và bãi nhiệm. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của CTCP. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 5 năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Chủ tịch HĐQT được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ hoặc HĐQT theo điều lệ và người này có thể kiêm GD công ty nếu Điều lệ công ty không cấm. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT bao gồm: (i) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; (ii) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT; (iii) Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT; (iv) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT; (v) Chủ tọa họp ĐHĐCĐ.

Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

- Quyền kiến nghị: Bao gồm: (i) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; (ii) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ; (iii) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; (iv) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty; (v) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.

- Quyền quyết định: Bao gồm các quyết định: (i) Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; (ii) Chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; huy động thêm vốn theo hình thức khác; (iii) Giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; (iv) Mua lại cổ phần; (v) Phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo luật hoặc Điều lệ công ty; (vi) Giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ; trừ một số hợp đồng và giao dịch bị hạn chế; (vii)

Cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

Quyền quyết định về nhân sự: Bao gồm: (i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với GD và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ quy định; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; (ii) Giám sát, chỉ đạo GD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty

HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường, tại trụ sở chính của công ty hoặc ở một nơi khác. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường theo yêu cầu của (i) Ban kiểm soát, (ii) GD hoặc ít nhất 5 người quản lý khác, (iii) ít nhất 2 thành viên HĐQT, hoặc (iv) các trường hợp khác quy định trong điều lệ. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp bất thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị đã nêu, đồng thời phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày họp cùng với tài liệu kèm theo cho các thành viên BKS và GD cũng như cho thành viên HĐQT. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 75% tổng số thành viên HĐQT trở lên tham dự.

Thông qua quyết định HĐQT: HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ quy định. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết, tức là - khác với ĐHCĐ - HĐQT quyết định theo đầu người. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Như vậy, so với LDN 2014 thì LDN 2020 có bổ sung thêm một số đặc điểm như: hạn chế về việc Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty cổ phần là doanh nghiệp Nhà nước không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ sung quyền và nghĩa vụ trong việc “triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa” cuộc họp của Hội đồng quản trị. Bổ sung các trường hợp bầu người thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị.

** Giám đốc/Tổng Giám đốc*

GD/TGD được HĐQT bổ nhiệm/bãi nhiệm hoặc cách chức, họ có thể là thành viên của HĐQT hoặc là một người khác do HĐQT thuê. GD/TGD là người điều hành

công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của GD/TGD không quá năm năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. GD/TGD không được đồng thời làm GD/TGD của doanh nghiệp khác.

Quyền và nhiệm vụ của GD/TGD bao gồm: Quyền kiến nghị lên HĐQT: Gồm kiến nghị (i) Phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh, và (ii) Phương án tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty. Quyền quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT: (i) Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT; (ii) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; (iii) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT; (iv) Quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của GD/TGD; (v) Tuyển dụng lao động; (vi) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây: Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty; Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

** Ban Kiểm soát*

Ban kiểm soát có từ ba đến năm thành viên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên Ban kiểm soát bầu

một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. (Theo điều 121 Luật Doanh Nghiệp 2020)

Theo điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020, thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng hoặc tỉ lệ nhỏ hơn theo quy định của Điều lệ. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại

khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 119 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Theo điều 126 Luật Doanh nghiệp, nghĩa vụ của Ban kiểm soát viên được quy định như sau: Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. So với LDN 2014, LDN 2020 đã làm rõ và bổ sung thêm tiêu chuẩn, điều kiện và quyền của Ban kiểm soát trong công ty cổ phần, như nguyên tắc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, Mở rộng các chuyên ngành đào tạo đối với một cá nhân để có thể đảm nhiệm vị trí Trưởng Ban kiểm soát và Kiểm soát viên, thêm quyền của Ban

kiểm soát trong việc “rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông”.

Chương 2: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH

2.1. Tổng quan về Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1000808141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 16 tháng 09 năm 2020.

Địa chỉ: số 545, Đường Trần Lãm, p. Trần Lãm, Tp Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

Số điện thoại: 02273 833 552 - số fax: 02273 838 757.

Website: www.pvoilthaibinh.com.vn. Email: pvoilthaibinh@pvoil.com.vn

Mã cổ phiếu: POB

Logo: Sử dụng Logo chung của Tổng Công ty Dầu Việt Nam –PV OIL



Ý nghĩa biểu tượng Logo: Với hai màu chính là màu xanh da trời của nền và màu đỏ của ngọn lửa hai nhánh thể hiện thành quả hoạt động tìm kiếm thăm dò-khai thác và các lĩnh vực hoạt động khác để khai thác tài nguyên dầu khí từ lòng đất, lòng thềm lục địa Việt Nam phục vụ đất nước. Ngọn lửa đỏ hai nhánh được bắt đầu từ trong lòng chữ V (chữ đầu của từ Việt Nam) được cách điệu tạo cho khoảng trống ở giữa hai ngọn lửa giống hình đất nước. Nhánh màu đỏ cháy lên từ chữ V của hàng chữ màu trắng PETROVIETNAM - tên giao dịch quốc tế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình – PV Oil Thái Bình là một đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Trước đây Công ty có tên là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Thái Bình-PTSC Thái Bình, trực thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí-PTSC. Với số lao động của toàn Công ty là 170 lao động, ngành nghề kinh doanh chủ yếu lúc đó là Kinh doanh các sản phẩm đồ uống do Nhà máy Nước khoáng Tiên Hải của Công ty sản xuất và kinh doanh bán lẻ Xăng dầu với hệ thống 05 cửa hàng bán lẻ.

Tháng 6 năm 2009 do xu hướng chuyên môn hóa cho các Tổng Công ty của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, PTSC Thái Bình được sát nhập về Tổng Công ty Dầu Việt Nam- PV Oil với tên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xăng dầu Dầu khí Thái Bình- PV Oil Thái Bình. Với việc trở thành Công ty thành viên của PV Oil đã mở ra một giai đoạn mới cho chiến lược phát triển kinh doanh của PV Oil Thái Bình. Do được sự quan tâm của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam, PV Oil Thái Bình đã có những lợi thế nhất định trong việc kinh doanh Xăng dầu. Trên cơ sở kế thừa và phát triển các hoạt động kinh doanh của PTSC Thái Bình, PV OIL Thái Bình đã xác định mũi nhọn của Công ty là đầu tư kinh doanh xăng dầu, đồng thời kịp thời chuyển hướng đầu tư từ xin cấp phép, xây mới các cửa hàng xăng dầu sang mua, thuê các cửa hàng đã nằm trong quy hoạch. Từ đó tốc độ đầu tư nhanh hơn và thương hiệu, thị trường của PV OIL Thái Bình ngày một mở rộng. Chỉ trong vòng hơn 1 năm, PV Oil Thái Bình từ chỗ có 5 cửa hàng, đến nay đã phát triển lên 15 cửa hàng và thiết lập được một hệ thống phân phối xăng dầu tại một số tỉnh miền Bắc. Doanh thu từ 184 tỷ năm 2009 tăng lên 780 tỷ năm 2010, đánh dấu sự phát triển vượt bậc và đưa PV OIL Thái Bình vào Top 3 doanh nghiệp lớn mạnh có đóng góp hàng đầu cho ngân sách tỉnh Thái Bình. Thu nhập bình quân của CBCNV tăng nhanh qua các năm, như năm 2009 là 5, 655 triệu đồng, năm 2010 lên 7, 9 triệu đồng. PV OIL Thái Bình còn là đơn vị tiêu biểu trong công tác xây dựng Đảng trong sạch, các hoạt động thể xã hội như Công đoàn, Đoàn thanh niên... vững mạnh toàn diện, luôn luôn quan tâm đến các hoạt động văn nghệ thể thao, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt các chương trình an sinh xã hội cùng các hoạt động nhân đạo từ thiện.

Thực hiện chiến lược đầu tư phát triển của Công ty, lại được sự quan tâm sự đầu tư của Tổng Công ty Dầu, sau một thời gian đầu tư xây dựng, tháng 4- 2011, PV OIL Thái Bình đã đưa vào khai thác giai đoạn 1 Kho trung chuyển xăng dầu Thái Bình tại xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư với dung tích 6.000m³. Về việc đầu tư cơ bản, trọng điểm này đã tạo cho PV Oil Thái Bình sự chủ động và tiềm lực mới về nguồn hàng trong thị trường xăng dầu khu vực, góp phần quan trọng trong kết quả kinh doanh của Công ty năm 2011 cũng như các năm tiếp theo.

Từ việc chỉ có 05 cửa hàng Xăng dầu bán lẻ, từ tháng 6 năm 2009 đến tháng 11 năm 2010, PV Oil Thái Bình đã có thêm 03 cửa hàng bán lẻ Xăng dầu và thiết lập được một hệ thống phân phối Xăng dầu tại một số tỉnh miền Bắc, đưa doanh thu từ 103 tỷ

năm 2008 lên 184 tỷ năm 2009 và con số này đã tăng lên gấp nhiều lần, 780 tỷ năm 2010 với 45.000m³ Xăng dầu bán ra trên thị trường, đánh dấu sự phát triển vượt bậc của Doanh nghiệp và đưa Doanh nghiệp vào Top 3 Doanh nghiệp lớn mạnh và có đóng góp hàng đầu cho Ngân sách tỉnh Thái Bình.

Thực hiện Nghị quyết số 1878/NQ - DKVN 06/8/2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Nghị quyết số 87/NQ - DVN ngày 10/8/2010 của Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc tái cấu trúc tổng thể PV OIL, ngày 20/10/2010 HĐQT Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 2764/NQ - DKVN về việc phê duyệt phương án thành lập các Công ty cổ phần kinh doanh xăng dầu thuộc PV OIL trong đó có Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình (PV OIL Thái Bình). Ngày 15/11/2010, Đại hội đồng cổ đông đã thành lập Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình, và đơn vị đã tiến hành hoàn tất các thủ tục hồ sơ pháp lý, bộ máy nhân sự để đi vào hoạt động theo pháp luật kể từ ngày 01/12/2010.

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc tái cấu trúc Công ty (chia tách Công ty) ngày 01/4/2016 Công ty đã hoàn thành việc chia tách Công ty thành 2 Công ty đó là: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình (PV OIL Thái Bình) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình (Thái Bình PSC). Kể từ đó cho đến nay mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty đã phát triển cả chiều sâu và chiều rộng rất đa dạng, hệ thống các cửa hàng xăng dầu từ 8 CHXD năm 2010 đến nay tăng lên là 13 CHXD; doanh thu tăng lên trên 1.000 tỷ đồng. Vốn điều lệ hiện tại là: 109.000.000.000 tỷ đồng.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong phát triển các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Xây dựng chính sách bán hàng của đơn vị phù hợp với chính sách chung của Tổng công ty và tình hình kinh doanh của đơn vị để đảm bảo kinh doanh an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định của Tổng công ty, của Nhà nước về kinh doanh xăng dầu; Xây dựng chính sách tạo nguồn xăng dầu ngoài nguồn hàng của Tổng công ty phù hợp với các quy định của Tổng công ty, của Nhà nước.

Đẩy mạnh công tác triển khai đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD”, đề án 808 về “Nâng cao chất lượng dịch vụ tại Kho trung chuyển xăng dầu” của Tổng công ty Dầu Việt Nam trên toàn hệ thống.

Phát triển mạnh hệ thống phân phối, hệ thống CHXD tại các thị trường được phân công.

Tập trung nguồn lực cho việc phát triển khách hàng công nghiệp lớn, phấn đấu phát triển và duy trì cung cấp từ 4- 5 khách hàng để giữ ổn định sản lượng.

Nâng cao chất lượng dịch vụ tại Kho trung chuyển xăng dầu, các CHXD đảm bảo an toàn, sạch đẹp và chuyên nghiệp theo nội dung Đề án 808 của Tổng công ty.

Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư CHXD bán lẻ theo các hình thức (đầu tư mới, mua, thuê, hợp tác) phấn đấu năm 2021 phát triển thêm được 01 CHXD hoạt động hiệu quả.

Phối hợp với nhà đầu tư PETROTECH Thái Bình và Tổng công ty vận hành an toàn và khai thác hiệu quả 02 dự án tại Kho: dự án xử lý Condensate Thái Bình và dự án Pha chế Xăng E5... nhằm tăng vòng quay và hiệu quả khai thác Kho.

Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh bao gồm: Quản trị hàng tồn kho, kiểm soát dòng tiền và quản lý công nợ.

Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, nguồn vốn đầu tư để nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn - phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đảm bảo cho con người và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông Công ty giao.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về công ty cổ phần tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

2.2.1.1. Thực hiện các quy định chung của pháp luật về vốn, quản lý vốn của doanh nghiệp

Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty và tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán. Vốn Điều lệ của Công ty là 109.000.000.000 đồng; tương đương 10.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trong đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu là 74.120.010.000 đồng.

Vốn điều lệ của công ty được chia thành cổ phần do nhiều cổ đông lớn nắm giữ theo bảng tổng hợp sau:

Bảng 2. 1. Danh sách cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Tổng công ty DVN	7.412.001	74.120	68
2	Cổ đông NH TMCP Đại Dương	1.199.000	11.990	11
3	Cổ đông Công ty Quản lý quỹ Thái Bình Dương	381.500	3.815	3,5
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	1.827.100	18.271	16,76
5	Cổ đông khác	80.399	804	0,74
	Tổng cộng	10.900.000	109.000	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

Tổng số cổ phần: 10.900.000 cổ phần.

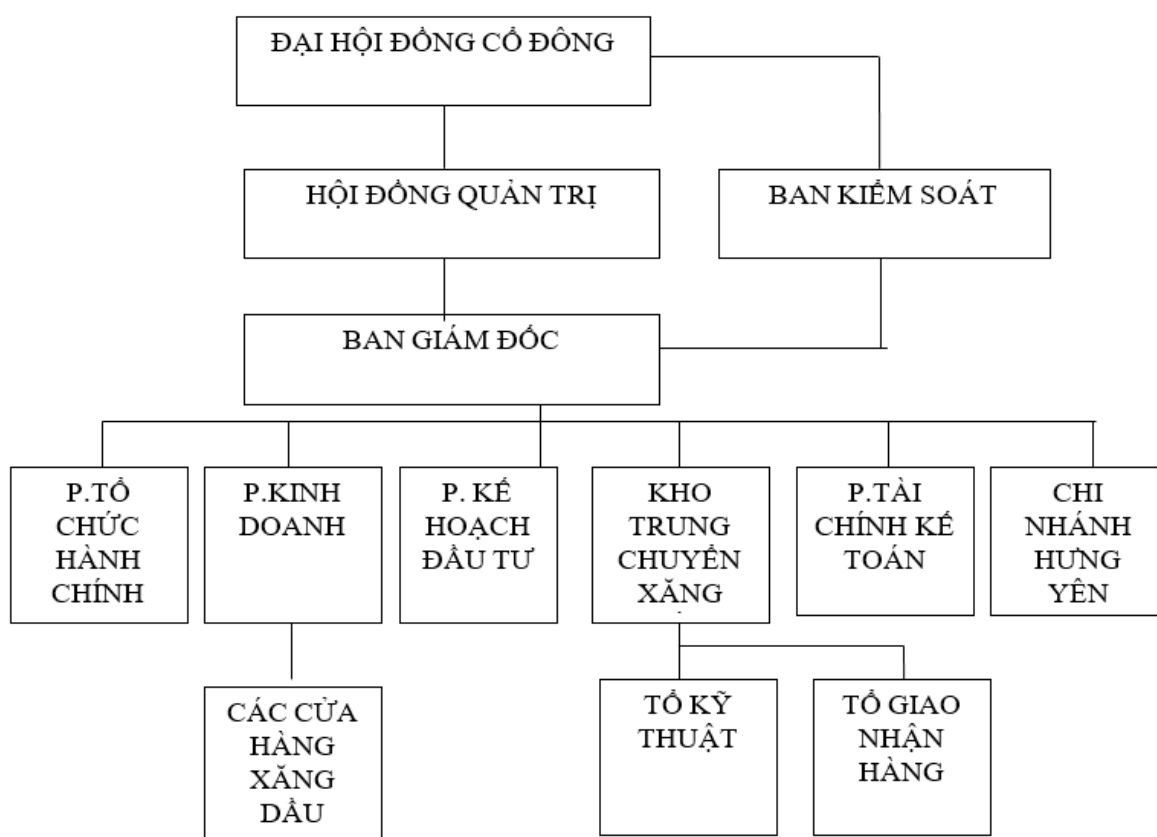
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Giá trị vốn cổ phần đã góp: 109.000.000.000 đồng,

Hiện tại, Nhà nước đang nắm giữ 68% cổ phần tại POB thông qua Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL) và 11% cổ phần thông qua Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nắm 100% vốn). Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình trong năm 2021 gồm: Ngày 08/09/2021 Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trở thành cổ đông lớn của Công ty sở hữu 1.626.200 CP (tỷ lệ 14,92%). Tới ngày 21/12/2021, Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tăng tỷ lệ sở hữu lên 1.827.100 CP (tỷ lệ 16,76%). Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ là không có.

Tại thời điểm 31/12/2021 tổng giá trị tài sản của công ty là 154.000.299.019 VNĐ, tăng 20.953.276.223 VNĐ so với năm 2020. Về phần tài sản ngắn hạn, chủ yếu là giá trị hàng tồn kho (26.572.501.596 VNĐ) và các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (39.228.580.362 VNĐ). Đối với phần tài sản dài hạn, chiếm chủ yếu là tài sản cố định (70.060.130.192 VNĐ). Nợ phải trả tại 31/12/2021 của công ty là 42.149.052.349 VNĐ, chủ yếu là nợ ngắn hạn (41.524.552.349 VNĐ, chiếm 98,5%). Nợ ngắn hạn chiếm phần lớn là khoản thuế phải nộp cho Nhà nước và tiền hàng mua của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP.

2.2.2. Tổ chức quản lý công ty



Hình 2. 1. Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Về cơ bản, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình có quy chế quản trị và cơ cấu tổ chức tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật doanh nghiệp.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) có thẩm quyền cao nhất Công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ do luật pháp, Điều lệ Công ty quy định;

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định những vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát (BKS) thực hiện nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ giám sát, đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc theo quy định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và các văn bản pháp luật;

Ban Giám đốc (BGĐ) điều hành hoạt động của Công ty trong đó đứng đầu là Giám đốc. Ban giám đốc công ty hiện có 3 người. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính, kiểm soát nội bộ.

Tại Thái Bình, công ty có 4 phòng ban gồm phòng tổ chức hành chính, phòng kinh doanh, phòng kế hoạch đầu tư và phòng tài chính kế toán, chịu trách nhiệm quản lý các sự vụ liên quan đến các công việc hành chính, kế toán, kinh doanh, kế hoạch. Phòng kế hoạch chịu trách nhiệm quản lý và điều hành sự hoạt động của cửa hàng xăng dầu rải rác trên toàn tỉnh. Công ty có kho trung chuyển xăng dầu lớn đặt tại Thái Bình, ở đó có tổ kỹ thuật và tổ giao nhận phụ trách hoạt động và đảm bảo an toàn của kho trung chuyển. Ngoài ra, công ty có thêm một chi nhánh đặt tại tỉnh Hưng Yên.

2.2.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Xét về khía cạnh tổ chức và kiểm soát các cơ quan trong công ty cổ phần, ĐHĐCĐ Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình áp dụng LDN 2020 về quy định hợp lý thẩm quyền của ĐHĐCĐ, cách thức trình tự triệu tập họp ĐHĐCĐ, quyền dự họp, điều kiện, thể thức họp và thông qua quyết định của ĐHĐCĐ, tạo điều kiện cho việc thực hiện các quyền hạn chính đáng của các chủ sở hữu; bảo đảm đối xử công bằng giữa các chủ sở hữu, công khai thông tin và minh bạch hoá cơ chế quản trị công ty, các quyền của HĐQT và cơ chế giám sát HĐQT của chủ sở hữu trong cơ chế quản trị công ty. Đó là cơ sở pháp lý quan trọng và cụ thể nhất cho hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình hiện nay.

ĐHĐCĐ Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đã thiết lập các thủ tục để thực hiện quyền của cổ đông và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông. Thông qua định hướng phát triển của công ty và quyết định một số vấn đề quan trọng trong Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình. ĐHĐCĐ cũng đánh giá hiệu quả quản lý điều hành của HĐQT, Giám đốc/Tổng Giám đốc công ty và kiểm soát các giao dịch tư lợi ĐHĐCĐ có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty Báo cáo tài chính hàng năm của công ty do HĐQT lập và gửi BKS để thẩm định. Bên cạnh việc xem xét và thông qua báo cáo tài chính, ĐHĐCĐ Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình còn xem xét báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành công ty. Các báo cáo này là cơ sở để

ĐHĐCĐ đánh giá hiệu quả quản lý điều hành của HĐQT, GD công ty, quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, GD/TGD, quyết định khen thưởng hay quy trách nhiệm vật chất đối với các chức danh này. Xét về tổng thể, các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật đã được tuân thủ trên thực tế. Các quyền như tham dự họp ĐHĐCĐ, bầu và bãi miễn thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, chuyển nhượng cổ phần, quyền ưu tiên mua trước, quyền nhận cổ tức... đã được thực hiện tương đối đầy đủ. Quyền của cổ đông, nhóm cổ đông thiểu số trong việc yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc trực tiếp triệu tập họp theo thẩm quyền đã phát huy được hiệu lực thực tế. Về quyền được cung cấp thông tin thì hầu hết các công ty cổ phần, cổ đông đã được nhận không chỉ tóm tắt Báo cáo tài chính, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, mà còn nhận được cả thông báo về quyết định của HĐQT, và thậm chí cả của Giám đốc. Như vậy, cổ đông trên thực tế đã được cung cấp thông tin nhiều hơn so với quy định của Luật doanh nghiệp.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất trong công ty cổ phần. Hiện tại, Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đang có 3 cổ đông, trong đó có 1 cổ đông là tổ chức nắm giữ 79% cổ phần. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình hiện tại là 3 người. Trong đó chủ tịch Hội đồng quản trị hiện tại không phải là người đại diện theo Pháp luật, được Đại hội đồng cổ đông bầu ra trong số thành viên của Hội đồng quản trị.

Về cơ chế thông tin cho các chủ thể bên ngoài công ty (cơ chế công khai báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh); quy định về việc kiểm soát các hợp đồng với người có liên quan, công ty áp dụng nghiêm túc theo LDN 2020. Theo đó, hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng như thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Giám đốc/Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty... phải được Hội đồng thành viên chấp thuận.

Tại công ty, các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên thường thảo luận và quyết định về ba vấn đề: (i) báo cáo hàng năm tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; (ii) báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm tiếp theo; và (iii) mức cổ tức được chia. Các cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ thường kéo dài nửa ngày. Diễn biến cuộc họp thường theo công thức định sẵn là: (1) Chủ tịch HĐQT hoặc GD trình bày báo cáo đã chuẩn bị sẵn; (2) BKS đọc báo cáo đánh giá “thẩm tra” đã chuẩn bị sẵn từ trước; (3)

thảo luận và chất vấn. Ảnh hưởng của các cổ đông, nhất là cổ đông thiểu số, là không đáng kể đối với những quyết định đã chuẩn bị trước của HĐQT. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHĐCĐ của đại bộ phận (khoảng 96%) các công ty cổ phần thường họp (thường niên) mỗi năm một lần. Một số khá lớn (khoảng từ 50-40%) tổ chức họp ĐHĐCĐ mỗi quý một lần. Về việc triệu tập họp ĐHĐCĐ, đa số công ty (khoảng 60%) nhìn chung tuân thủ đúng trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ.

2.2.2.2. Hội đồng quản trị

Kết quả SXKD năm 2021 đạt được trong bối cảnh đại dịch COVID 19 ảnh hưởng chung tới nền kinh tế trong nước đã góp phần giữ vững ổn định, củng cố niềm tin của người lao động, khách hàng của Công ty. Có được kết quả này là nhờ HĐQT và các cán bộ quản lý đã chủ động trong công tác điều hành, có nhiều giải pháp hiệu quả ứng phó với diễn biến phức tạp của đại dịch và giá cả xăng dầu trong nước; hoạt động điều hành SXKD của Công ty theo đúng nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT.

Bảng 2. 2. Danh sách thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
1	Đoàn Duy Công	Chủ tịch HĐQT	05/11/1963	Thái Bình	4.142.001	38%
2	Quách Văn Sơn	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	22/12/1980	Hà Nội	3.270.000	30%
3	Trần Minh Tuấn	Ủy viên HĐQT	13/01/1982	Hà Nội		

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, HĐQT đã tuân thủ theo đúng phân cấp tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty; tổ chức triển khai đầy đủ và

thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Công ty không có các tiêu ban thuộc hội đồng quản trị.

HĐQT Công ty triển khai các hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Trong năm 2021, căn cứ các Tờ trình và Phiếu lấy ý kiến của các Thành viên, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty. Cụ thể như bảng 2.3.

Bảng 2. 3. Hoạt động của HĐQT năm 2021

TT	Thời gian	Nội dung chính	Kết quả
1	19/03/2021	- Thông qua kết quả SXKD Quý 1/2021 của Công ty, các giải pháp, định hướng và nhiệm vụ trọng tâm hoàn thành kế hoạch SXKD Quý 11/2021 của Công ty; - Chuẩn bị tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	Nghị quyết số 223/NQ-DKTB ngày 9/03/2021
2	07/07/2021	Báo cáo sơ kết hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2021, các giải pháp, định hướng và nhiệm vụ trọng tâm để hoàn thành kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2021.	Nghị quyết số 542/NQ-DKTB ngày 7/07/2021
3	19/10/2021	Báo cáo hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2021; các giải pháp, định hướng và nhiệm vụ trọng tâm để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021.	Nghị quyết số 808/NQ-DKTB ngày 19/10/2021

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

Mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn và thách thức đến từ môi trường khách quan đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch COVID 19, PVOIL Thái Bình vẫn luôn bám sát các nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện sản xuất kinh doanh. Cụ thể như: Vận hành an toàn và hiệu quả dự án "Xử lý và pha chế condensate Thái Bình" và pha chế xăng E5 tại kho trung chuyển xăng dầu Thái Bình. Giữ vững ổn định thị phần, hệ thống phân phối, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, tập trung gia tăng tỷ trọng kênh bán lẻ qua CHXD. Tăng cường cơ hội tìm kiếm đầu tư phát triển cửa hàng xăng dầu phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Tăng cường công tác quản lý chi phí, quản trị hệ thống và phát triển thương hiệu Công ty. Bằng những cố gắng và nỗ lực của hệ thống, việc hoàn thành vượt mức kế hoạch nhiều chỉ tiêu trong năm 2021 của Công ty tạo cơ sở tiền đề tốt cho việc thực hiện năm 2022.

2.2.2.3. Giám đốc/Tổng Giám đốc

GD Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình có quyền và nhiệm vụ điều hành công việc quản lý kinh doanh thường nhật của công ty, là cán bộ quản lý cao cấp của công ty do HĐQT bổ nhiệm để trợ giúp HĐQT điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Cũng giống như trách nhiệm pháp lý của các thành viên HĐQT, trách nhiệm pháp lý của GD chủ yếu là trách nhiệm dân sự mà nội dung cơ bản là bồi thường thiệt hại. Trách nhiệm này bao gồm trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm liên đới. Trách nhiệm cá nhân của GD được quy định tại khoản 4 điều 116 LDN 2020, theo đó GD phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của HĐQT. Nếu làm trái mà gây thiệt hại cho công ty thì GD phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty. Ngoài ra, GD còn phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc xử lý các cổ phần mua lại, theo đó cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và GD phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và

Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Bảng 2. 4. Danh sách thành viên và cơ cấu Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
1	Quách Văn Sơn	Giám đốc, Ủy viên HĐQT	22/12/1980	Hà Nội	3.270.000	30%
2	Ngô Văn Tuấn	Phó Giám đốc	08/04/1981	Thái Bình		
3	Đoàn Hữu Nha	Phó Giám đốc	17/10/1971	Nam Định		

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách

nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo.

Quyền hạn của GD Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình xuất phát từ sự ủy quyền của HĐQT, cho nên bản chất pháp lý của quyền hạn GD là quyền đại diện. Tạo điều kiện thuận lợi cho GD thực hiện quyền điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày và xử lý các vấn đề đối ngoại kịp thời. GD có các quyền bao gồm: (i) Quyền kiến nghị lên HĐQT về phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh và phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; (ii) Quyền quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT, tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư của công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT, quyết định mức lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của GD, tuyển dụng lao động.

Quyền hạn chủ yếu trong nội bộ công ty là quyền quyết định xuất tiền, ký văn bản và đối xử với nhân viên. Trong công ty, Chủ tịch có quyền quyết định chi một số tiền lớn hơn GD, nên có quyền cao hơn GD; nhưng quyền nhiều hơn ở đây chỉ là quyền được quyết định chi tiền nhiều hơn chứ không phải là quyền ràng buộc công ty với bên ngoài – quyền ràng buộc công ty với bên ngoài phụ thuộc vào người đại diện theo pháp luật của công ty. Sự phát triển của các CTCP phụ thuộc rất lớn vào đạo đức kinh doanh, kiến thức và khả năng cũng như tinh thần trách nhiệm của đội ngũ những người quản lý, điều hành doanh nghiệp, có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích của cổ đông và công ty theo nguyên tắc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty theo đúng quy định của Luật.

2.2.2.4. Ban kiểm soát

Luật Doanh nghiệp 2020 đã bổ sung nhiều quy định với nội dung tương đối chi tiết và rõ ràng về địa vị pháp lý, cơ cấu, quyền và nhiệm vụ, cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Mục đích của sự thay đổi đó là nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của Ban kiểm soát trong kiểm soát nội bộ công ty. Tuy vậy, thực tế cho đến nay có thể nói,

kiểm soát nội bộ trong Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình vẫn còn hình thức và kém hiệu lực. BKS được ĐHĐCĐ bầu ra để giám sát và kiểm soát nội bộ, trực tiếp giám sát HĐQT và BGD trong việc quản lý, điều hành công ty. BKS có vai trò và địa vị ngang bằng với HĐQT, cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, gồm có 3 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát này là người được Hội đồng cổ đông tin tưởng, tín nhiệm bầu ra để giám sát các hoạt động của công ty. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát công ty CP dầu khí Thái Bình được bầu như bảng 2.5.

Bảng 2. 5. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban kiểm soát	
2	Phạm Ngọc Anh	Thành viên	
3	Phạm Thị Thùy Dương	Thành viên	Bổ sung thay thế bà Nguyễn Thị Dung từ 29/04/2021

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch hoạt động và triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Trong năm 2021, Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo các nội dung chính như sau:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính thống nhất, phù hợp với công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác trong công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, các quý trong năm, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Lương, thưởng, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách trong năm 2021 là 144 triệu đồng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Không có các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và giao dịch với cổ đông nội bộ. Nhiệm kỳ của BKS không quá năm năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Quy định này tạo điều kiện cho các giám sự tìm hiểu, theo dõi và giám sát chi tiết hoạt động quản lý kinh doanh của HĐQT một cách thiết thực và lâu dài hơn. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định gồm: (i) Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng BKS; (ii) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS; (iii) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ. BKS có nhiệm vụ phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT, đồng thời việc BKS tiến hành kiểm tra không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty; khi phát hiện có thành viên HĐQT, GD vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT; có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình bày báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

2.2.3. Phân chia lợi nhuận và rủi ro

2.2.2.1. Kết quả kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về phương hướng hoạt động trong năm. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID -19 nhưng PVOIL Thái Bình luôn chủ động bám sát thị trường xăng dầu trong và ngoài nước nên hoạt động kinh doanh của đơn vị đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2. 6. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2020	KH năm 2021	TH năm 2021	% HT KH năm 2021	% HT TH so năm 2020
1	SL xăng dầu	m ³	57.766	63.000	75.052	119	130
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	547,6	619	978,5	158	179
3	Tổng LNTT	Tỷ đồng	(0,73)	2,5	3,2	128	
4	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	(67)	229,4	246	107	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

Năm 2021 tập thể Ban lãnh đạo và Người lao động trong Công ty đã không ngừng cố gắng, nỗ lực bằng nhiều hình thức, nhiều giải pháp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả:

Sản lượng bán hàng xăng dầu năm 2021 đạt 75.052 m³, hoàn thành 119% kế hoạch năm 2021, tăng 130% so với thực hiện năm 2020. Lợi nhuận trước thuế thực hiện 3,2 tỷ đồng hoàn thành 128% kế hoạch được giao. Thu nhập bình quân trong năm đạt 9.220.000 đồng/người/tháng, Công ty duy trì ổn định về đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV và Người lao động.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021, POB đạt 547,57 tỷ đồng doanh thu, lãi gộp đạt 32,86 tỉ đồng. Trong năm 2021, POB đạt 440 triệu đồng doanh thu tài chính. Trong kỳ, chi phí tài chính của POB là 50 triệu đồng, chi phí bán hàng 26,75 tỉ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp 7,07 tỉ đồng. Với kết quả kinh doanh được ghi nhận trong năm, POB đã hoàn thành 73,26% kế hoạch doanh thu. Tại ngày 31.12.2021, tổng tài sản của POB đạt 133,05 tỉ đồng. Chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản của POB là tài sản cố định (75,54 tỉ đồng). Tài sản ngắn hạn của POB ở mức 51,45 tỉ đồng, trong đó, chiếm một nửa là các khoản phải thu ngắn hạn (25,55 tỉ đồng), tiếp đến là hàng tồn kho 21,32

tỉ đồng. Tiền và tương đương tiền là 4,17 tỷ đồng. Về nguồn vốn, kết thúc năm 2021, vốn chủ sở hữu của POB là 109,17 tỷ đồng. Nợ phải trả ở mức 23,88 tỉ đồng, chủ yếu là nợ ngắn hạn (23,41 tỷ đồng).

Công tác đầu tư trong năm 2021, Công ty cũng đã rất cố gắng hoàn thành chỉ tiêu phát triển hệ thống đạt 01 CHXD hoàn thành kế hoạch giao; công tác mua sắm trang thiết bị theo đúng kế hoạch được Tổng công ty phê duyệt. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc... được tiến hành thường xuyên và đúng quy định đảm bảo cho hoạt động SXKD cho toàn hệ thống. Công ty đã áp dụng và thực hiện có hiệu quả Đề án 1114, 808 và chương trình Khách hàng thành viên (PVOIL EASY) của Tổng công ty; kết quả đã có những chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả kinh doanh.

Theo kết quả chấm điểm và đánh giá của tổ 1114 Công ty và Tổng công ty trong năm: toàn bộ hệ thống cửa hàng đều đạt kết quả cao theo bộ tiêu chí đánh giá. Hoạt động SXKD đảm bảo hiệu quả và an toàn về vốn; không để phát sinh công nợ xấu, công nợ khó đòi. Nộp ngân sách theo quy định của Nhà nước: số đã nộp trong kỳ là 208 tỷ đồng.

2.2.2.2. Xử lý lỗ, phân chia lợi nhuận

Bảng 2. 7. Tình hình tài chính năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	133.047	154.000	Tăng 116%
2	Doanh thu thuần	547.572	978.495	Tăng 179%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	-573	3.847	
4	Lợi nhuận khác	-154	-599	
5	Lợi nhuận trước thuế	-727	3.248	
6	Lợi nhuận sau thuế	-727	2.681	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2021 tổng giá trị tài sản của công ty là 154.000.299.019 VNĐ, tăng 20.953.276.223 VNĐ so với năm 2020. Trong đó tài sản

ngắn hạn là 74.546.252.656 VNĐ, chiếm 48,41%; tài sản dài hạn là 79.454.046.363 VNĐ, chiếm 51.59%. Về phần tài sản ngắn hạn, chủ yếu là giá trị hàng tồn kho (26.572.501.596 VNĐ) và các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (39.228.580.362 VNĐ). Đối với phần tài sản dài hạn, chiếm chủ yếu là tài sản cố định (70.060.130.192 VNĐ), trong đó tài sản cố định hữu hình là 67.242.187.924 VNĐ, tài sản cố định vô hình 2.817.942.268 VNĐ.

Tình hình nợ phải trả tại 31/12/2021 của công ty là 42.149.052.349 VNĐ, chủ yếu là nợ ngắn hạn (41.524.552.349 VNĐ, chiếm 98,5%). Nợ ngắn hạn chiếm phần lớn là khoản thuế phải nộp cho Nhà nước và tiền hàng mua của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP.

Căn cứ các nội dung về kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021 tại Nghị quyết số 1129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2021 và kết quả hoạt động SXKD năm 2021, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua xem xét phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2021 như bảng sau:

Bảng 2. 8. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN		2.697.352.925
2	Các khoản chi sau thuế:		400.437.000
-	Thù lao kiêm nhiệm HĐQT, BKS năm 2021		168.000.000
-	Chi trả khoản hợp tác đầu tư tại CHXD Nam Khê, CHXD Diễn Châu năm 2021		232.437.000
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 trước khi trích lập các quỹ (3=1-2)		2.296.915.925
4	Trích lập quỹ	80,0%	1.837.532.740
-	Quỹ khen thưởng		
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý		

-	Quỹ phúc lợi	80,0%	1.837.532.740
-	Quỹ đầu tư phát triển		
5	Chi cổ tức	Không chia	
6	Lợi nhuận năm 2021 còn lại sau khi chia cổ tức (3-4-5) *		459.383.185
7	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 chuyển sang sau khi điều chỉnh giảm theo Biên bản KTNN và thực hiện chi trả Thù lao KCT năm 2020, khoản hợp tác đầu tư CHXD Diễn Châu năm 2020.		930.462.823
8	Lợi nhuận chuyển năm sau (8=6+7)		1.389.846.008

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021)

Đơn vị đề xuất mức trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi ở mức 80% LNST (bằng mức trích năm 2020) còn lại chưa phân phối năm 2021 là 1.837.532.740 đồng với lý do:

Tổng mức chi KTPL theo Thỏa ước LĐTT của đơn vị năm 2021 cho các khoản chi như; sinh nhật CBNV, trợ cấp nhân các dịp lễ trong năm, chi hiếu, hi... là 3,78 tỷ đồng. Trong đó: Trực tiếp qua Quỹ KTPL: 2,38 tỷ đồng, Chi qua chi phí HĐSXKD: 1,4 tỷ đồng. Mức trích 1,838 tỷ đồng theo đề xuất trích bằng 46% so 1 tháng lương thực hiện theo kế hoạch 2021 (1,838/4 tỷ đồng) và chỉ đảm bảo 48,6% mức chi tối thiểu trên.

Bên cạnh, ngoài việc đảm bảo nguồn chi theo thỏa ước LĐTT, Công ty còn phải chi trả một số khoản chi có tính chất phúc lợi khác từ quỹ KTPL như; trợ cấp tai nạn lao động, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thâm niên ngành, trợ cấp tử tuất..., ước chi các khoản trên cho năm 2021 khoảng 200 triệu đồng; Mức trích trên của đơn vị thấp hơn theo quy định mức tỷ lệ hoàn thành kế hoạch Lợi nhuận * 03 tháng lương thực hiện (<3,6 tỷ).

2.2.4. Một số thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện pháp luật về công ty cổ phần tại doanh nghiệp

* Thuận lợi

Mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn và thách thức đến từ môi trường khách quan đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch COVID 19, PVOIL Thái Bình vẫn luôn bám sát các nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện sản xuất kinh doanh. Cụ thể: Vận hành an toàn và hiệu quả dự án "Xử lý và pha chế condensate Thái Bình" và pha chế xăng E5 tại kho trung chuyển xăng dầu Thái Bình. Giữ vững ổn định thị phần, hệ thống phân phối, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, tập trung gia tăng tỷ trọng kênh bán lẻ qua CHXD. Tăng cường cơ hội tìm kiếm đầu tư phát triển cửa hàng xăng dầu phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Tăng cường công tác quản lý chi phí, quản trị hệ thống và phát triển thương hiệu Công ty. Bằng những cố gắng và nỗ lực của hệ thống, việc hoàn thành vượt mức kế hoạch nhiều chỉ tiêu trong năm 2021 của Công ty tạo cơ sở tiền đề tốt cho việc thực hiện năm 2022.

Được sự quan tâm và chỉ đạo của Tổng công ty thông qua dự án hợp tác đầu tư trạm xử lý Condensate Thái Bình và dự án đầu tư hệ thống pha chế Xăng E5 tại Kho đã giúp PVOIL Thái Bình giảm bớt khó khăn trước tình hình kinh doanh do dịch bệnh diễn biến phức tạp. PVOIL Thái Bình đã xây dựng được hệ thống CHXD ổn định với 18 cửa hàng trực thuộc, đồng thời áp dụng nghiêm túc và hiệu quả Đề án 1114 trong toàn bộ hệ thống CHXD. Thương hiệu PVOIL được Người tiêu dùng tin dùng và ủng hộ góp phần gia tăng sản lượng bán lẻ cho đơn vị. Nguồn Condensate cung cấp cho trạm chung cất xử lý Condensate tại Kho Trung chuyển Thái Bình khá ổn định, đảm bảo theo Kế hoạch năm nên trong năm 2021 công tác sản xuất kinh doanh các mặt hàng từ Condensate của PVOIL Thái Bình tương đối thuận lợi, mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Sự đoàn kết và quyết tâm cố gắng của BCH Đảng bộ, Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể người lao động trong Công ty đã tạo ra sức mạnh để phấn đấu hoàn thành tốt nhất kế hoạch năm 2021. Vượt qua những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, đồng thời tranh thủ tốt các thuận lợi của thị trường khi giá dầu có xu hướng tăng, PVOIL Thái Bình một số chỉ tiêu chính hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2021, đặc biệt là chỉ tiêu sản lượng, lợi nhuận trước thuế. Kết quả SXKD năm 2021 đạt được trong bối cảnh đại dịch COVID 19 ảnh hưởng chung tới nền kinh tế trong nước đã góp phần giữ vững ổn định, củng cố niềm tin của người lao động, khách hàng của Công ty. Có được kết quả này là nhờ HĐQT, Ban Giám đốc, BKS và các cán bộ quản lý đã chủ động trong công tác điều hành, có nhiều giải pháp hiệu quả ứng phó với diễn biến phức tạp của đại dịch và giá cả xăng dầu trong nước; hoạt động điều hành

SXKD của Công ty theo đúng nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT. Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, HĐQT, Ban Giám đốc, BKS đã tuân thủ theo đúng phân cấp tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty; tổ chức triển khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Ngoài ra, khi nghiên cứu về thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng các quy định về tổ chức quản lý Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình, có thể nhận thấy thêm một số ưu điểm như là, hệ thống cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đã hình thành cơ bản các yếu tố đòn bẩy khuyến khích những người trong nội bộ doanh nghiệp; hạn chế những hành vi lợi dụng quyền hạn và chức vụ để thu lợi cho cá nhân tổn hại tới lợi ích chung; tạo điều kiện để những người trong nội bộ bao gồm cả chủ sở hữu thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình góp phần tiết kiệm chi phí, thực hiện được chỉ tiêu lợi nhuận và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

Một số nội dung nghiên cứu về thực tiễn áp dụng các quy định về tổ chức quản lý Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình có viện dẫn các vụ việc thực tế để chứng minh cho các lập luận và qua đó phân tích nguyên nhân của những vướng mắc về thực hiện các quy định tổ chức quản lý công ty cổ phần. LDN 2020 đã tạo ra hành lang pháp lý vững chắc để định rõ quyền hạn và nghĩa vụ giữa các cổ đông, cơ quan trong công ty như ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, Giám đốc/GĐ điều hành.

** Khó khăn*

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp và nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, kéo theo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu cũng giảm. Trước những khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra, Công ty đã quyết liệt triển khai các giải pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo sức khỏe cho người lao động; vừa chống dịch hiệu quả, vừa đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ xăng dầu; Nguồn hàng một số thời điểm trong năm khan hiếm, mức chiết khấu thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Đứng trước những khó khăn trên. BCH Đảng bộ, Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình vẫn luôn luôn đoàn kết gắn bó cùng nhau vượt qua những thử thách đi lên, cùng với sự hỗ trợ của Tổng công ty Dầu Việt Nam, PVOIL Thái Bình đã nỗ lực phấn đấu không ngừng và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TỪ THỰC TIỄN CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ THÁI BÌNH

3.1. Một số tồn tại và giải pháp đối với công ty Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình

3.1.1. Một số tồn tại

Các quy định pháp lý về quản trị công ty và quy định về tổ chức và hoạt động của công ty còn chưa đầy đủ và thiếu sự đồng bộ

Khung pháp lý về quản trị công ty tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình thực chất vẫn đang trong giai đoạn phát triển ban đầu, các luật và quy định liên quan về quản trị công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng, nhiều quy định chưa thực sự phù hợp với thông lệ quốc tế và bộc lộ rõ những hạn chế. Phần lớn các quy định mới chỉ được xây dựng trên cơ sở về mặt nguyên tắc, nên không quy định cụ thể tất cả các tình huống có thể xảy ra và khó đánh giá được mức độ tuân thủ của công ty. Đồng thời, có những bất cập về khung pháp lý cơ bản cho hoạt động của công ty, nhiều quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của công ty chưa đảm bảo cho hoạt động thực tế của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình. Do đó, môi trường pháp lý về hoạt động của các Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình còn thiếu, chưa đồng bộ. Hiện nay, Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình chịu sự điều chỉnh của Luật của chính phủ, đây được coi là khung pháp lý cơ bản cho hoạt động của công ty nhưng những quy định này vẫn chưa đảm bảo cho hoạt động thực tế của các công ty, nhiều quy định điều chỉnh cơ chế và phạm vi hoạt động của Công ty còn nhiều bất cập, gây khó khăn, vướng mắc cho hoạt động của Công ty.

Như vậy, do thiếu một khung pháp lý hoàn thiện về quản trị công ty cũng như cho hoạt động của công ty nên tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng trực tiếp đến việc đảm bảo thực hiện trên thực tế các nguyên tắc quản trị công ty của công ty.

Những hạn chế trong mô hình quản trị nội bộ

Chất lượng của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chưa cao vì mặc dù các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình được diễn ra theo đúng trình tự pháp luật quy định, nhưng rất khó có thể bảo đảm tối đa quyền lợi cho các cổ đông tham dự họp, chất lượng ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông cũng

chưa cao. HĐQT còn can thiệp vào công việc điều hành của Giám đốc, chưa có cơ chế chung, thống nhất trong việc phân cấp, phân quyền giữa HĐQT và Giám đốc cũng như chưa có sự phân nhiệm rõ ràng giữa các thành viên HĐQT. Chất lượng hoạt động của Ban Kiểm soát chưa cao do số lượng nhân sự còn ít, hạn chế về mặt kinh nghiệm, trình độ và hoạt động của Ban Kiểm soát chủ yếu mới chỉ dừng lại ở khâu tiền kiểm mà chưa đảm bảo vai trò ở khâu hậu kiểm.

Những hạn chế trong việc thực hiện bảo vệ quyền lợi cổ đông của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Mặc dù Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đã thành lập bộ phận quản lý cổ đông, tuy nhiên, hoạt động của bộ phận này vẫn chưa đảm bảo tương xứng với vai trò quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ giữa công ty và cổ đông, chưa đảm bảo chức năng và nhiệm vụ của bộ phận này theo đúng nghĩa do nhân sự còn thiếu và hạn chế về trình độ, kinh nghiệm. Bên cạnh đó, thực trạng các cổ đông của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình còn gặp khó khăn trong việc thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, vấn đề bảo đảm chi trả cổ tức cho cổ đông của công ty.

Những bất cập về vai trò của cổ đông Nhà nước tham gia quản trị công ty

Theo cơ cấu cổ đông của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) nắm giữ 78% cổ phần của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình nên PVN là cổ đông Nhà nước nắm giữ quyền chi phối. Vì thế, vai trò chỉ đạo của Nhà nước chỉ được thực hiện với tư cách là một cổ đông. Tuy nhiên, trên thực tế, mọi hoạt động của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình vẫn chủ yếu phụ thuộc vào sự chi phối, chỉ đạo của PVN bằng các quyết định hành chính. Do vậy, mọi hoạt động của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình thiếu tính chủ động, linh hoạt, chưa thể hiện được đúng bản chất hoạt động của mô hình công ty cổ phần. PVN nắm giữ 78% cổ phần của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình nên có thể thấy rõ sự chênh lệch về tương quan quyền lợi giữa PVN và các cổ đông nhỏ, lẻ còn lại. Vì vậy, đòi hỏi phải có thành viên HĐQT độc lập để bảo vệ tiếng nói của các cổ đông nhỏ là một vấn đề tất yếu cần đặt ra và phải được giải quyết tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình. Bên cạnh đó, việc tất cả thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Giám đốc của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đều là những người do PVN chỉ định làm đại diện cho phần vốn góp của PVN tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình cũng là

thực tế dẫn tới tình trạng không khách quan và không đảm bảo tính minh bạch trong trường hợp có sự đồng thuận trước đó để thực hiện yêu cầu của cổ đông chi phối.

Nguyên nhân của những hạn chế

Hệ thống cơ cấu tổ chức, quản lý của ty Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đã hình thành cơ bản các yếu tố đòn bẩy khuyến khích những người trong nội bộ doanh nghiệp; hạn chế những hành vi lợi dụng quyền hạn và chức vụ để thu lợi cho cá nhân tổn hại tới lợi ích chung; tạo điều kiện để những người trong nội bộ bao gồm cả chủ sở hữu thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình góp phần tiết kiệm chi phí, thực hiện được chỉ tiêu lợi nhuận và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Tuy nhiên, vẫn còn những nhược điểm của công ty trong thời gian qua. Nguyên nhân xảy ra các tình trạng trên là do luật chưa tạo ra hành lang pháp lý vững chắc để định rõ quyền hạn và nghĩa vụ giữa các cổ đông trong công ty như ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, GD điều hành. Khuôn khổ về pháp luật tại Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, các luật và quy định liên quan còn thiếu và yếu. Những hướng dẫn liên quan đến quản trị công ty cổ phần cho các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn thiếu sót nhiều.

Về phía bản thân Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình chưa áp dụng các quy tắc, chuẩn mực quản trị công ty tốt theo thông lệ quốc tế; chưa tạo điều kiện cho cổ đông tiếp cận thông tin công bố và nhận các thông tin trọng yếu của công ty; chưa tạo điều kiện cho cổ đông thiểu số thực hiện quyền của họ thông qua việc cung cấp tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và các báo cáo bằng tiếng Việt và tiếng Anh; chưa áp dụng các phương pháp tổ chức ĐHĐCĐ khác nhau như: E-Voting, họp ĐHĐCĐ trực tuyến, từ xa... để cổ đông có thể tiếp cận thông tin thuận tiện, nhanh chóng cũng như nâng cao khả năng thực hiện quyền của cổ đông.

Về phía cổ đông, do việc chấp hành quy định và sự tự giác chưa cao của người quản lý cũng như sự thiếu hiểu biết quyền của các cổ đông được quy định trong luật để có thể thực hiện và bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Họ chưa thực sự nhận thức được tầm quan trọng của luật đối với sự tồn tại và phát triển của công ty. Bên cạnh đó, khả năng nhận thức và tự bảo vệ lợi ích của bản thân các cổ đông nhất là cổ đông thiểu số còn rất hạn chế. Vì một số lý do thực tiễn có xu hướng hạn chế cổ đông nắm giữ cổ phiếu nhỏ không tham gia vào họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, phần lớn cổ đông không tiếp nhận được thông tin hoặc tiếp nhận thông tin không chính xác. Bên cạnh việc

quyền của cổ đông bị vi phạm thì còn có hiện tượng lạm quyền của các cổ đông lớn đặc biệt là cổ đông nhà nước.

3.1.2. Một số giải pháp thực tế

3.1.2.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định chung của pháp luật về vốn, quản lý vốn tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Thứ nhất, hoàn thiện các thiết chế xã hội tham gia thực thi pháp luật về vốn, quản lý vốn khi thành lập công ty cổ phần. Cần thường xuyên hệ thống hóa, kiểm tra các văn bản pháp luật công ty và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phát hiện các quy định mâu thuẫn, thiếu thống nhất, không phù hợp để kịp thời sửa đổi, bổ sung. Loại bỏ và hạn chế những hành vi trục lợi, không trung thực thông qua thành lập công ty, đồng thời khuyến khích các nhà đầu tư bỏ vốn kinh doanh, khắc phục tâm lý ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước và xã hội. Ngày nay ở các công ty cho thấy, các thiết chế xã hội và kinh tế ngày càng tham gia vào quản lý xã hội nói chung, các hoạt động kinh tế nói riêng một cách có hiệu quả. Các thiết chế kinh tế nhìn chung hoạt động như những công ty sinh lợi trong cơ chế cạnh tranh, do đó để tồn tại, các thiết chế này phải ngày càng hoàn thiện tính chuyên nghiệp, trung thực, sự hoàn thiện này có tính tích cực trong quá trình tham gia quản lý xã hội và kinh tế. Các thiết chế xã hội, kinh tế đề cập ở đây là các tổ chức kiểm toán, tư vấn, luật sư, công chứng, tổ chức giám định, ngân hàng và các tổ chức trọng tài giải quyết tranh chấp... Đồng thời, cần xây dựng hành lang pháp lý cho các thiết chế này hoạt động như tổ chức độc lập, chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của các hoạt động tham gia quản lý xã hội, kinh tế và hoạt động theo cơ chế cạnh tranh.

Thứ hai, nâng cao năng lực quản lý của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình. Để áp dụng hiệu quả pháp luật kinh doanh, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư và công ty hoạt động kinh doanh sản xuất thì một trong những yếu tố quan trọng là phải nâng cao năng lực quản lý của HĐQT, Ban giám đốc Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình. Năng lực quản lý công ty luôn là vấn đề được chú trọng cải cách, nâng cao. Tuy nhiên, do tác động của nhiều nguyên nhân nên mặc dù tổng công ty dành sự quan tâm nhưng chất lượng quản lý của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình chưa thực sự hiệu quả.

Việc các cấp theo dõi, giám sát việc góp vốn thành lập công ty là rất quan trọng không chỉ tại thời điểm góp vốn mà còn có ý nghĩa và vai trò lớn trong suốt quá trình hoạt động và phát triển của công ty. Khi góp vốn thành lập công ty, các cổ đông phải

thực hiện đúng thỏa thuận góp vốn như thời điểm góp vốn, tài sản góp vốn, phương thức góp vốn. Nhưng tất cả các nội dung này trong nhiều trường hợp chỉ được thực hiện trên giấy, điều đó cho thấy khâu “hậu kiểm” của công ty còn yếu kém, sau khi góp vốn chưa có các biện pháp giám sát có hiệu quả nhằm đảm bảo công ty tuân thủ các điều kiện về quản lý vốn. Vì vậy cần tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra về vốn cũng như quản lý vốn của các công ty để phát hiện kịp thời các sai phạm và có cơ chế xử lý nghiêm minh, công khai nhằm mục đích giáo dục chung và cũng để phát huy vai trò ngăn chặn các hành vi vi phạm.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân viên và nâng cao văn hóa pháp lý, đạo đức kinh doanh cho công ty. Việc nâng cao ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý, đạo đức kinh doanh cho nhân viên thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật cũng là một kênh quan trọng để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư và đưa pháp luật về góp vốn của công ty cổ phần được thực thi hiệu quả trong công ty, giảm thiểu những vi phạm pháp luật, tranh chấp không đáng có, đặc biệt là đối với góp vốn thành lập công ty cổ phần, khi mà cổ đông có thể là những người lao động trong công ty. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật giúp cho các nhà đầu tư có hiểu biết về pháp luật, hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của mình khi thực hiện góp vốn để từ đó họ có ý thức tuân thủ pháp luật.

Nâng cao văn hóa pháp lý, đạo đức kinh doanh có nghĩa là nâng cao hiểu biết pháp luật đối với vấn đề vốn, giúp họ hiểu rõ hơn về vai trò của công ty đối với nền kinh tế quốc gia, đối với cộng đồng. Mục tiêu mà các công ty hướng đến là tối đa hóa lợi nhuận nhưng trên hết là phải tuân thủ pháp luật, đảm bảo an toàn pháp lý, và phải có trách nhiệm với xã hội. Khi gia nhập thị trường, tiến hành các hoạt động đầu tư, công ty phải hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật. Các phương pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật có thể áp dụng để giáo dục pháp luật cho nhân viên và nâng cao văn hóa pháp lý, đạo đức kinh doanh như thông qua truyền hình, đài phát thanh, báo chí, hội nghị, hội thảo... Tổ chức thành mô hình các câu lạc bộ, các buổi sinh hoạt chung để lồng ghép nội dung phổ biến pháp luật, khuyến khích các thành viên nâng cao đạo đức kinh doanh.

Với những định hướng và một số ý kiến cá nhân, tác giả thực sự hy vọng rằng các quy định pháp luật về vốn và quản lý vốn tại công ty cổ phần nói riêng, các quy định

của Luật Công ty nói chung ngày càng được hoàn thiện, hiệu quả, phát huy được vai trò trong thực tiễn.

3.1.2.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về tổ chức quản lý Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Về đại hội đồng cổ đông

Trên cơ sở nhận biết những khiếm khuyết về pháp luật, Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình cần có những giải pháp để hoàn thiện và cải cách một số chính sách pháp luật về cơ cấu tổ chức. Điều này là vô cùng cần thiết và tối quan trọng trong tình hình hội nhập mới hiện nay. Việc về cơ cấu tổ chức tốt sẽ khiến cho bản thân công ty sẽ vững vàng trong quá trình phát triển để có những bước phát triển mạnh mẽ.

Xây dựng và nâng cao nhận thức của pháp luật về cơ cấu tổ chức và ý nghĩa của việc hoàn thiện pháp luật về cơ cấu tổ chức công ty đối với quá trình phát triển của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình. Điều trước hết cần làm là cũng thống nhất về khái niệm và nội dung của khung pháp luật về cơ cấu tổ chức và thông qua chúng mà bản chất và nội dung của cơ cấu tổ chức sẽ được chuyển tải một cách thống nhất, có thể hiểu được đến với chủ sở hữu và người quản lý công ty. Cùng với việc tuyên truyền phổ biến, đào tạo về cơ cấu tổ chức, cần hỗ trợ giúp những người quản lý nhận biết được thực trạng cơ cấu tổ chức hiện tại, những thay đổi cần thực hiện để có thể tiến tới áp dụng được cơ cấu tổ chức hiện đại.

Để ĐHĐCĐ thực sự là công cụ quyền lực của cổ đông trong công ty đồng thời đóng góp vào sự vận hành chung của công ty, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ. Chẳng hạn như cần sửa đổi, làm rõ để thống nhất quy định về điều kiện tỷ lệ triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trong thực tế, nhiều lần công ty triệu tập ĐHĐCĐ lần đầu thường không đạt tỷ lệ tối thiểu 65% số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định của LDN và Điều lệ mẫu để tiến hành ĐHĐCĐ nên buộc phải triệu tập ĐHĐCĐ lần hai, chính điều này đã gây lãng phí của cải công ty. Quyền dự họp ĐHĐCĐ là một trong những quyền quan trọng nhất của cổ đông, là phương thức chủ yếu để thể hiện tư cách cổ đông. Thêm vào đó, cuộc họp ĐHĐCĐ là nơi quan trọng nhất để tất cả các cổ đông thể hiện mong muốn của mình. Chính vì vậy, công ty cần tạo mọi khả năng mở cửa cho tất cả các cổ đông, không nên có quy định hạn chế quyền dự họp ĐHĐCĐ như quy định những cổ đông không có quyền biểu quyết (gồm cổ đông ưu đãi cổ tức và cổ đông ưu đãi hoàn lại) không có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Để bảo vệ tối đa

quyền lợi của cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình, cần tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình được tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông như: gửi thông báo và tài liệu mời họp Đại hội đồng cổ đông trước ít nhất 02 tuần, tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, thực hiện biểu quyết điện tử.

Về hội đồng quản trị

Để tăng cường chức năng giám sát của HĐQT tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình, cần đảm bảo sự cân bằng về quyền lực nâng cao tính độc lập, trách nhiệm cá nhân trong công tác quản lý, điều hành công ty cần thiết phải phân tích rõ ràng nhiệm vụ vai trò của chủ tịch HĐQT và Giám đốc để hai người trên không bị hạn chế quyền, không bị mâu thuẫn quyền, bảo đảm sự phân nhiệm rõ ràng, tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn trong giải quyết công việc. Cần có sự phân công nhiệm vụ cụ thể giữa các thành viên HĐQT, theo đó mỗi thành viên HĐQT sẽ phụ trách một lĩnh vực và chịu toàn bộ trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT đối với lĩnh vực mà mình phân công, được giao quyền quyết định đối với lĩnh vực mà mình phụ trách trong một số trường hợp. HĐQT và Ban Giám đốc sẽ thống nhất xây dựng cơ chế chung để phân quyền cho Giám đốc trong việc điều hành mọi hoạt động thường ngày của Công ty. Theo đó, Giám đốc sẽ được phân cấp mạnh hơn để có thể tự quyết định những vấn đề thuộc khả năng giải quyết của mình, không bị động và phụ thuộc vào việc xin ý kiến HĐQT. Tăng cường công tác trao đổi thông tin giữa HĐQT và Ban Giám đốc. Hoàn thiện chức năng của bộ phận chuyên viên giúp việc HĐQT. Chủ tịch HĐQT nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện giám sát và khống chế một cách vĩ mô các hoạt động quản lý điều hành của những người quản lý kinh doanh trong khi Giám đốc là quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của công ty. Các thành viên HĐQT hợp lại là “đầu não” điều khiển của công ty; còn những người quản lý là “cánh tay” của công ty. Sự phát triển bền vững và ổn định của công ty phụ thuộc nhiều vào chất lượng của HĐQT nói chung và của từng thành viên nói riêng. Nói cách khác, phương thức làm việc chủ yếu của thành viên HĐQT là nghiên cứu, là tư duy về các vấn đề chiến lược và chủ yếu ở tầm chiến lược chứ không phải điều hành và quyết định các công việc hàng ngày ở công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng của thành viên HĐQT và HĐQT là rất có ý nghĩa, điều đó sẽ làm tăng không những quyền uy, mà cả giá trị, uy tín và địa vị xã hội của họ. Đó là yếu tố không thể thiếu được thúc đẩy hình thành đội ngũ quản trị gia chuyên

nghiệp, trình độ cao, là nguồn lực không thể thiếu của nền kinh tế hiện đại. Đối với công ty niêm yết như Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình, cơ cấu HĐQT phải bao gồm một tỷ trọng đáng kể những thành viên không điều hành. Nói cách khác, một số thành viên sẽ không trực tiếp giữ các chức vụ điều hành công ty, mà chỉ tập trung chuyên trách vào định hướng chiến lược và giám sát, đảm bảo công ty phát triển đúng theo định hướng chiến lược đồ. Cơ chế khuyến khích vật chất, nhất là chế độ tiền lương đối họ, cũng hết sức quan trọng, họ phải được trả lương tương xứng với vai trò, địa vị và công lao của họ. Toàn bộ tiền lương, lợi ích vật chất và chi phí làm việc của HĐQT nói chung và của từng thành viên HĐQT nói riêng phải được coi là chi phí hợp lệ được tính vào chi phí kinh doanh của công ty. Kết quả và hiệu quả hoạt động của cả HĐQT và từng thành viên HĐQT là căn cứ không thể thiếu được để xác định mức tiền lương cụ thể và lợi ích khác của họ. Vì vậy, cần sớm nghiên cứu hình thành phương pháp, cách thức và công cụ đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động của HĐQT.

Bên cạnh nghĩa vụ tuân thủ luật pháp, thì nghĩa vụ uỷ thác và nghĩa vụ cẩn trọng và chuyên cần là hai nghĩa vụ cơ bản của thành viên HĐQT và những người quản lý khác. Nghĩa vụ uỷ thác có nghĩa là thành viên được cổ đông, chủ sở hữu tin cậy uỷ thác quản lý tài sản của họ; do đó, các thành viên HĐQT phải luôn bảo đảm sự tin cậy đó của các cổ đông, trung thành với lợi ích của cổ đông và của công ty. Còn nghĩa vụ cẩn trọng và chuyên cần có nghĩa là thành viên HĐQT trong thực thi quyền và nhiệm vụ của mình phải luôn phải suy xét, đánh giá và cân nhắc với mức cẩn trọng tối đa mà bất cứ một người bình thường nào khác trong địa vị, hoàn cảnh và trình độ chuyên môn tương ứng đều làm như vậy. Như vậy, mọi quyết định của họ đều phải lý giải được đó là quyết định tốt nhất có thể được trong hoàn cảnh và điều kiện tại thời điểm đó để phục vụ lợi ích của công ty và của cổ đông. Việc thống nhất nhận thức về bản chất và chuẩn mực đánh giá mức độ tuân thủ các nghĩa vụ nói trên đối với các thành viên HĐQT là hết sức cần thiết và quan trọng. Bởi vì nếu không có như vậy thì có thể xảy ra một hoặc cả hai hệ quả sau đây. Một là các thành viên HĐQT và những người quản lý khác có thể quá cẩn trọng quá đến mức không dám đưa ra quyết định, hoặc ra quyết định không kịp thời. ứng xử loại này xuất phát từ sự cảm nhận về việc không được bảo đảm an toàn pháp lý ngay cả khi họ đã cẩn trọng, và trung thực nhất. Hai là thành viên HĐQT sẽ lạm dụng quyền lực và địa vị được giao dưới nhiều hình thức để chiếm đoạt và thậm chí tước đoạt tài sản của công ty và của các cổ đông nhằm mục đích tư lợi. Loại ứng xử này xuất phát từ nhận

thức là họ có thể thao túng quan tòa và các cơ quan thực thi pháp luật, đưa ra lý giải biện hộ có lợi nhất đối với họ: bởi vì không có quy tắc và chuẩn mực chung được thừa nhận dựa trên tinh hợp lý và lẽ thường tình mà là suy diễn cá nhân trong đánh giá mức độ tuân thủ nghĩa vụ của thành viên HĐQT. Việc nhận thức đầy đủ về bản chất và chuẩn mực của các nghĩa vụ nói trên là một quá trình; nó phụ thuộc vào trình độ phát triển của cả hệ thống pháp lý của công ty.

Về Giám đốc/Tổng Giám đốc

Cần hoàn thiện hơn về việc chế độ tuyển dụng Giám đốc/Tổng Giám đốc của công ty để đảm bảo các Giám đốc được tuyển chọn từ những người đủ tài đủ lực, đủ trí giúp cho sự quản lý của công ty có hiệu quả. Đồng thời với việc hoàn thiện về tuyển dụng cần quan tâm đến chính sách lương, thưởng chế độ đãi ngộ để Giám đốc/Tổng Giám đốc có trách nhiệm cao hơn với công việc của mình.

Về Ban kiểm soát

Công ty cần tăng cường, nâng cao và hoàn thiện các quy định pháp luật về Ban Kiểm soát, cần thực thi một số các giải pháp quan trọng và cần triển khai sớm để khắc phục những hạn chế đang tồn tại đối với quy định pháp luật của Ban Kiểm soát.

HĐQT cần tạo điều kiện để Ban Kiểm soát được chủ động tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT và họp giao ban của Tổng Công ty để nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty. HĐQT và Giám đốc phải kịp thời cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty cho Ban Kiểm soát và tạo mọi thuận lợi để Ban Kiểm soát kiểm soát hồ sơ, tài liệu của Công ty. Ngược lại, Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát và phát hiện mọi yếu kém trong hoạt động quản lý, điều hành của Công ty và nhanh chóng thông báo cho HĐQT những sai phạm để kịp thời khắc phục. Ngoài ra, HĐQT, Giám đốc cần chủ động yêu cầu kiểm soát viên tư vấn đối với những vấn đề không thuộc chuyên môn của mình. Kiểm soát viên cần thể hiện rõ vai trò tư vấn và hỗ trợ HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc phối hợp và chia sẻ hoạt động giữa HĐQT, Ban Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình như trên có vai trò rất quan trọng, nó vừa đảm bảo tính chế ước giữa ba cơ quan này, vừa đảm bảo sự phối hợp để mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất cho Tổng Công ty.

Việc nâng cao tính độc lập, tính chuyên nghiệp và hiệu lực của BKS là một trong số các giải pháp cơ bản hoàn thiện các quy định pháp luật về BKS. BKS do ĐHĐCĐ

bầu ra để thay mặt cổ đông thực hiện quyền giám sát đối với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty do đó việc nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tác dụng của BKS chuyên nghiệp và độc lập đối với sự phát triển và lợi ích của công ty, lợi ích của chủ sở hữu và cổ đông là điều cần phải được nhận thức đúng, phải coi hoạt động kiểm soát chuyên nghiệp và độc lập như là nhu cầu nội tại tất yếu đối với sự phát triển bền vững của công ty, chứ không phải là chỉ tồn tại trên giấy tờ. Những cổ đông lớn, thành viên HĐQT và những người quản lý khác cũng phải coi việc được giám sát hay kiểm soát là một nhu cầu, giúp ngăn ngừa và phát hiện sớm những khiếm khuyết trong công ty để có giải pháp khắc phục kịp thời và ít tốn kém.

Có thể tìm kiếm các ứng cử viên bên ngoài là những chuyên gia tư vấn độc lập có trình độ nghề nghiệp cao và giàu kinh nghiệm thực tế làm thành viên BKS của công ty. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu, xây dựng và đưa vào áp dụng phương pháp đánh giá hoạt động của BKS và từng thành viên BKS sẽ góp phần thúc đẩy BKS và các thành viên nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc; đồng thời giúp các bên có liên quan, nhất là các cổ đông giám sát được chính các hoạt động của BKS.

Tạo ra môi trường kiểm soát hiệu quả, khuyến khích các chuẩn mực cao về đạo đức, giúp cán bộ công nhân viên nhận thức rõ tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ, hiểu rõ vai trò, vị trí của mỗi cán bộ công nhân viên trong cơ chế kiểm soát nội bộ. Xây dựng quy trình nhận biết, đánh giá, giám sát để hạn chế các rủi ro trong hoạt động của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình. Đẩy mạnh công tác đào tạo và tự đào tạo trong đội ngũ kiểm toán viên để đảm bảo đáp ứng được nhu cầu công việc;

Xây dựng hệ thống quy trình quy chế và hướng dẫn nghiệp vụ kiểm toán nhằm thống nhất phương pháp và đưa ra các lưu ý trong quá trình kiểm toán từng nghiệp vụ. Xây dựng cơ chế quản lý và phân công công việc trong Ban Kiểm toán nội bộ trong đó quy định rõ chế độ báo cáo, phân công rõ trách nhiệm và quyền hạn trong bộ máy Kiểm toán nội bộ. Tăng cường công tác giám sát, theo dõi khắc phục kiến nghị sau kiểm tra và đề xuất xử lý cá nhân, đơn vị vi phạm; tập trung kiểm toán theo định hướng rủi ro, cảnh báo kịp thời các rủi ro tiềm ẩn ... Tăng cường công tác giám sát và theo dõi khắc phục kiến nghị sau kiểm toán.

3.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về công ty cổ phần

3.2.1. Xây dựng pháp luật

Luật Doanh nghiệp 2020 chỉ quy định một cách liệt kê về các quyền của cổ đông/thành viên công ty. Tuy nhiên, tác giả đề xuất có thể chia quyền của cổ đông/thành viên công ty thành các nhóm quyền: (i) Quyền về tài sản – tài chính; (ii) Quyền về quản trị công ty; (iii) Quyền tiếp cận thông tin và kiểm soát; (iv) Quyền tố tụng; (v) Quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài huỷ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đình chỉ thi hành nghị quyết của Hội đồng quản trị; (vi) Quyền về kiểm soát các giao dịch có nguy cơ phát sinh tư lợi trong công ty cổ phần.

Để thực hiện giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về phân chia lợi nhuận và rủi ro tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình, công ty nên tập trung hoàn thiện pháp luật về chính sách cổ tức, là một trong những chính sách tài chính chiến lược của một công ty cổ phần. Công ty cổ phần cần có sự cân nhắc điều chỉnh trong việc lựa chọn chính sách cổ tức cho phù hợp với đặc điểm và điều kiện kinh doanh của công ty. Để chính sách cổ tức thực sự là một trong những chính sách tài chính chiến lược của công ty, một trong những vấn đề quan trọng là các công ty cổ phần thủy sản niêm yết cần hoàn thiện quy trình hoạch định chính sách cổ tức.

Vì vậy, để hoàn chỉnh chính sách cổ tức của các công ty này cần chú trọng kết hợp chặt chẽ 3 chính sách về chính sách đầu tư, chính sách tài trợ và chính sách cổ tức trong việc hoạch định cũng như trong việc thực hiện chính sách cổ tức. Chu kỳ sống của doanh nghiệp thường bao gồm các giai đoạn: Giai đoạn hình thành hay khởi sự, giai đoạn tăng trưởng, giai đoạn ổn định và giai đoạn suy thoái. Mỗi giai đoạn có những đặc điểm khác nhau về mức độ hoạt động, về đầu tư và nhu cầu vốn đầu tư; về mức độ rủi ro và tỷ suất sinh lời. Do vậy, khi hoạch định hay hoàn thiện chính sách cổ tức cần phải tính đến đặc điểm của từng giai đoạn để xây dựng một chính sách cổ tức thích hợp.

Công ty cần điều chỉnh giảm hệ số trả cổ tức một cách thích hợp để tăng phần lợi nhuận sau thuế giữ lại tái đầu tư, đồng thời có thể kết hợp lựa chọn thời điểm thích hợp thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng thêm tiền vốn cho đầu tư. Công ty có thể trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền, trả bằng cổ phiếu hay kết hợp vừa trả bằng tiền vừa trả bằng cổ phiếu. Mỗi hình thức trả có những ưu điểm và những hạn chế khác nhau. Vấn đề quan trọng là lựa chọn hình thức trả cổ tức phù hợp với đặc điểm và tình hình của công ty trong mỗi giai đoạn nhất định. Số lần trả cổ tức nên mỗi năm 2 lần: Lần 1, tạm

ứng cổ tức; Lần 2, quyết toán cổ tức. Mua lại cổ phần thay vì trả cổ tức được coi là cách trả cổ tức bằng tiền gián tiếp cho cổ đông. Khi thực hiện kế hoạch mua lại cổ phiếu thay vì trả cổ tức, cần xây dựng kế hoạch dòng tiền bảo đảm thực hiện chính sách trả cổ tức của công ty. Kế hoạch dòng tiền cho việc trả cổ tức cần phải đặt trong kế hoạch tổng thể dòng tiền của công ty. Nhằm phục vụ cho công tác quản lý, kế hoạch dòng tiền cần được lập cho 1 năm, 1 quý, 1 tháng.

3.2.2. Tổ chức thực hiện pháp luật

3.2.2.1. Đối với công ty Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Một là, tiếp tục thực hiện tốt các điều lệ, nội quy, quy chế, quy định chung của pháp luật về vốn, quản lý vốn, pháp luật về tổ chức quản lý công ty, quy định pháp luật về phân chia lợi nhuận và rủi ro tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình để công ty ngày một phát triển vững mạnh. Đẩy mạnh công tác thực hiện tốt pháp luật về Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình hiệu quả, công khai, minh bạch, không để xảy ra tình trạng thất thoát vốn, có cơ chế giám sát, phát hiện, xử lý kịp thời những vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện.

Tiếp tục phối hợp với các Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân viên và các cổ đông trong Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình về việc thực hiện tốt pháp luật về công ty cổ phần.

Tiếp tục thực hiện đầy đủ các quy định chung của pháp luật về vốn, quản lý vốn, pháp luật về tổ chức quản lý công ty, quy định pháp luật về phân chia lợi nhuận và rủi ro của công ty cổ phần phù hợp với xu thế của thế giới và đặc điểm tình hình của Việt Nam hiện nay.

Hai là, thực hiện việc hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách thực hiện tốt pháp luật về công ty cổ phần 2021 - 2025, trong đó tập trung vào nội dung hoàn thiện cơ sở pháp lý để xử lý dứt điểm những dự án thua lỗ, kém hiệu quả. Bên cạnh đó, thực hiện xây dựng danh mục tiêu chí thực hiện cổ phần hóa, góp vốn, tăng giảm vốn, thoái vốn, chuyển nhượng vốn, huy động vốn theo hướng tạo chủ động, gắn trách nhiệm cho các cổ đông;

Mặt khác, thực hiện việc tăng cường công khai, minh bạch thông tin, đảm bảo dễ dàng tiếp cận, kiểm tra, theo dõi, đánh giá bằng cách tăng cường trách nhiệm giải trình của Ban giám đốc; phân biệt trách nhiệm của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát để tăng cường chức năng giám sát của HĐQT, đảm bảo sự cân bằng về quyền lực, nâng

cao tính độc lập, trách nhiệm cá nhân trong quản lý, điều hành công ty bằng cách phân tách rõ ràng vai trò của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành để không một ai trong hai người trên bị hạn chế về quyền lực trong việc ra quyết định.

3.2.2.2. Đối với các cơ quan quản lý doanh nghiệp

Một là, thực hiện việc củng cố mô hình pháp luật về công ty cổ phần để đáp ứng yêu cầu đổi mới, cơ cấu lại của các công ty cổ phần. Tăng cường thực hiện việc giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát và kiểm toán. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đối với các hoạt động sản xuất. Tập trung kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban giám đốc ở những nơi xảy ra vi phạm.

Hai là về vấn đề vốn và quản lý vốn. Theo phân tích tại chương 1, pháp luật đã phân tách địa vị của hai loại cổ đông là cổ đông sáng lập và cổ đông góp vốn sau khi công ty đã thành lập mặc dù về bản chất họ đều là cổ đông góp vốn mua cổ phần của công ty. Điều này hoàn toàn không đúng bởi vì dù là cổ đông sáng lập nhưng vẫn có thể không tham gia vào việc quản lý công ty khi đó trừ điều kiện hạn chế chuyển nhượng họ cũng không khác gì cổ đông thường. Ngoài ra còn có thể có trường hợp cổ đông sáng lập chỉ sở hữu loại cổ phần ưu đãi và như vậy họ không hề tham gia vào điều hành cũng như quản lý công ty. Nên chăng pháp luật nên thực hiện việc thu hẹp đối tượng thuộc diện cấm không được thành lập, tham gia thành lập công ty cổ phần. Ví dụ, đối với đối tượng là cán bộ công chức thuộc diện được góp vốn vào công ty cổ phần thì không nên cấm việc tham gia vào thành lập công ty, bởi lẽ: Vẫn cho phép đối tượng này góp vốn mua cổ phần thì không thể hoàn toàn tránh khỏi việc bị phân tâm; Huy động được sức lực, tài trí và nguồn vốn của một bộ phận dân cư có mặt bằng dân trí cao hơn mức trung bình của toàn xã hội. Không cấm sẽ khuyến khích họ mạnh dạn hơn trong việc bỏ nguồn vốn nhàn rỗi của mình vào đầu tư kinh doanh; Cùng với việc không ngăn cấm thì chúng ta sẽ hoàn thiện khung pháp luật về xem xét trách nhiệm của cán bộ công chức, nâng cao cơ chế giám sát, nếu có biểu hiện tư lợi dùng tài sản, thời gian của nhà nước vào việc tư hoặc không hoàn thành nhiệm vụ, trách nhiệm trước nhà nước thì sẽ bị xem xét ngay trách nhiệm hành chính hoặc hình sự. Luật Doanh nghiệp cũng đã khắc phục hạn chế của việc liệt kê bằng cách ghi nhận các tài sản khác định giá được bằng Đồng Việt Nam đều có thể trở thành tài sản góp vốn. Quy định như vậy góp phần nâng cao tính tự chủ, linh hoạt, khuyến khích các nhà đầu tư đưa tài sản góp vốn kinh doanh, phát huy mọi nguồn lực. Tuy nhiên, luật lại không quy định rõ điều kiện cần và đủ để một loại tài

sản trở thành tài sản góp vốn. Để quy định về tài sản góp vốn mang tính khái quát, ổn định hơn, bảo đảm quyền tự định đoạt của công ty và nhà đầu tư thì nên quy định về khái niệm tài sản góp vốn theo hướng:

- Góp vốn bằng sản nghiệp thương mại. Nếu xem xét dưới khía cạnh giá trị, sản nghiệp được hiểu là một tổng thể các quan hệ pháp luật về tài sản, là tập hợp các tài sản có và tài sản nợ của một chủ thể chứ không đơn thuần là một bộ sưu tập đồ vật. Do đó, pháp luật cần hướng dẫn cụ thể trường hợp góp vốn bằng sản nghiệp thương mại, việc xác định phạm vi của sản nghiệp thương mại và vấn đề chuyển nhượng sản nghiệp thương mại.

- Góp vốn bằng trí thức. Ngày nay người ta thường nhấn mạnh tài sản trí tuệ hay sở hữu trí tuệ. Chúng được xem là một bộ phận quan trọng của trí thức. Trí thức có thể được điều chế hóa và có thể sao chép hoặc có thể ở dạng ẩn không thể sao chép khi ở trong đầu của các cá nhân hoặc các chu trình hoạt động của các doanh nghiệp. Những trí thức ẩn không thể điển chế hóa được, nên khó có thể mua và bán. Chúng khác với bốn loại tài sản trí tuệ là nhãn hiệu thương mại, giấy chứng nhận sáng chế, bản quyền và kiểu dáng công nghiệp đã đăng ký mà được xem là tài sản vì có thể trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao lưu dân sự theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Góp vốn bằng công sức. Như trên đã nghiên cứu, thỏa thuận trong các hợp đồng góp vốn thành lập công ty là một căn cứ làm phát sinh ra nghĩa vụ của các thành viên công ty. Và đối tượng của nghĩa vụ bao gồm: chuyển giao quyền sở hữu, làm hoặc không làm một công việc nào đó. Vì vậy, cam kết thực hiện những hành vi cụ thể có thể trị giá được bằng tiền theo quan niệm của luật nghĩa vụ cũng được xem là góp vốn. Vì vậy cam kết thực hiện những hành vi cụ thể có thể có giá trị được bằng tiền theo quan niệm của luật nghĩa vụ cũng được xem là góp vốn. Thừa nhận việc góp vốn bằng công sức là hướng tới yếu tố hiệu quả của việc góp vốn, đảm bảo nguyên tắc tự do ý chí, và bảo đảm cho công sức lao động xã hội. Cũng giống với góp vốn bằng trí thức, việc góp vốn bằng lao công khiến cho người góp vốn bị ràng buộc nghĩa vụ miễn cán và trung thực. Do đó, nó cũng có hậu quả tương tự với góp vốn bằng trí thức.

Có thể thấy, các quy định của pháp luật về công ty cổ phần đã khá hoàn thiện, đầy đủ. Tuy nhiên, việc thực thi các quy định này có hiệu quả hay không và đạt được

mục đích mà nhà làm luật mong muốn hay không, còn phụ thuộc khá nhiều vào cơ chế thực thi pháp luật tại công ty.

KẾT LUẬN

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới, Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình đang đứng trước nhiều cơ hội cũng như thách thức - một trong những thách thức đó là xây dựng một khuôn khổ pháp luật hiệu quả nhằm giảm thiểu các rủi ro và tăng cường giá trị của công ty, đảm bảo phát triển bền vững. Do vậy, nghiên cứu pháp luật về công ty cổ phần và đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về công ty cổ phần tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động của các công ty tại cổ phần nói chung và Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình nói riêng.

Trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu, bám sát mục tiêu, phạm vi nghiên cứu, đề án đã đề cập đến một số vấn đề sau:

- Khái quát lý luận cơ bản về pháp luật về công ty cổ phần.
- Nghiên cứu và phân tích thực trạng pháp luật tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình. Qua đó, đánh giá những kết quả đã đạt được, những hạn chế và bất cập trong quá trình triển khai pháp luật ở Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình .
- Trên cơ sở đánh giá thực trạng quá trình triển khai pháp luật tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình, đề án đã đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về công ty cổ phần tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình.

Hoàn thiện pháp luật về công ty cổ phần là một vấn đề phức tạp và đa dạng nên đề án sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế, tác giả mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, thầy giáo, cô giáo để đề án được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2014), Luật Doanh nghiệp, Hà Nội.
2. Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp, Hà Nội.
3. Quốc hội (2016), Luật Chứng khoán, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Bích (2004), *Luật doanh nghiệp: Vốn và quản lý vốn trong công ty cổ phần*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
5. Lê Duy Bình (2009), *Đánh giá nhanh chất lượng kinh tế tư nhân qua 10 năm thực hiện Luật Doanh Nghiệp*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội.
6. Daniel Blune (2004), *Những kinh nghiệm về các nguyên tắc Quản trị doanh nghiệp của OECD*, Hội nghị quốc tế về Quản trị Doanh nghiệp, Hà Nội.
7. Bộ Tài Chính (2007), Quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy Chế Quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Hà Nội.
8. Bộ Tài Chính (2010), Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán, Hà Nội.
9. Chính phủ (2007), Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán năm 2006, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đặng Thế Đức (2008), *Quản trị Công ty đại chúng - vấn đề và khuyến nghị*, SAGA.
13. Bùi Xuân Hải (2005), *Người quản lý công ty theo Luật Doanh nghiệp 1999 - Nhìn từ góc độ Luật so sánh*, Tạp chí Khoa học Pháp lý số 4/2005.
14. Bùi Xuân Hải (2007), *Học thuyết về đại diện và mấy vấn đề của Pháp luật Công ty Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Pháp lý số 41/2007.
15. Học viện Tài Chính (2006), *Quản trị Doanh nghiệp hiện đại cho Giám đốc và thành viên Hội đồng quản trị ở Việt Nam*, Nxb Tài Chính, Hà Nội.

16. Phạm Trí Hùng (2009), *Quản trị công ty và kiểm soát xung đột - Góc tiếp cận của các Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam*, Saga Communication, Hà Nội.
17. Eric de Keuleneer (2006), *Xuất xứ và mục đích của Quản trị xung đột*, Saga Communication, Hà Nội.
18. Ngân hàng Thế Giới (2006), *Báo cáo về tình hình tuân thủ chuẩn mực và nguyên tắc quản trị Công ty*, Hà Nội.
19. Phạm Duy Nghĩa (2003), *Giáo trình Pháp luật Kinh doanh*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
20. Phạm Duy Nghĩa (2004), *Chuyên khảo Luật Kinh tế*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.
21. Phạm Duy Nghĩa (2006), *Giáo trình Luật kinh tế - Tập 1: Luật doanh nghiệp: Tình huống - phân tích - bình luận*, - Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
22. Lê Minh Toàn (2001), *Công ty Cổ phần - Quyền và nghĩa vụ của cổ đông*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
23. Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (2006, 2007, 2008, 2009), *Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Điều lệ tổ chức và hoạt động*, Hà Nội.
24. Đâu Anh Tuấn (2005), *Quản trị Doanh nghiệp tốt: Cơ sở cho phát triển bền vững*, Hội thảo “So sánh thực trạng quản trị công ty ở Việt Nam với các nguyên tắc quản trị công ty của OECD”, Hà Nội.
25. Bộ Tài Chính (2007), Quyết định 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Hà Nội.
26. Bộ Tài Chính (2007), Thông tư số 30/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán, Hà Nội.

TRANG WEB

<http://www.chinhphu.vn;>

<http://www.hsx.vn>

<http://www.hnx.vn>

<http://www.massogroup.com.vn>

<http://www.mpi.gov.vn;>

<http://www.oecd.org;>

<http://www.pvfc.com.vn>;

<http://www.quantri.com.vn>

<http://www.saga.vn>;

<http://www.ssc.gov.vn>;

<http://www.thesaigontimes.vn>